



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**



**Báo Cáo Thường Niên Năm 2013**

# MỤC LỤC

## 1. THÔNG ĐIỆP

Tâm nhìn  
Sứ mệnh  
Thông điệp của chủ tịch

## 2. GIỚI THIỆU

Lịch sử hình thành  
Các sự kiện quan trọng  
Quá trình phát triển  
Định hướng phát triển

## 3. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Những nét nổi bật  
Tình hình thực hiện chỉ tiêu kinh tế tài chính so với kế hoạch  
Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh  
Tình hình xuất khẩu và thị trường  
Những thay đổi chủ yếu trong năm  
Triển vọng và kế hoạch tương lai

## 4. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo tình hình tài chính  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
Những tiến bộ đạt được  
Kế hoạch phát triển kinh doanh

## 5. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Cơ cấu tổ chức  
Cơ cấu nhân sự  
Chính sách đối với người lao động

## 6. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Hoạt động của Hội đồng quản trị  
Hoạt động của Ban kiểm soát  
Thông tin cổ đông

## 7. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Môi trường và xã hội  
Trách nhiệm với cộng đồng

## 8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## Tầm nhìn

*“Phần đầu đạt kim ngạch xuất khẩu 1 tỷ USD trong vòng 05 năm tới và trở thành Công ty chế biến xuất khẩu tôm lớn nhất thế giới”*

## Sứ Mệnh

*“Đưa con tôm Việt Nam vươn tầm Thế giới”*



## Thông Điệp Của Chủ Tịch

### Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2013 vẫn là một năm khó khăn cho ngành thủy sản, đặc biệt là lĩnh vực nuôi trồng do hội chứng tôm chết sớm EMS vẫn còn chưa khống chế được nên vẫn còn đó những thách thức về việc thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến tôm xuất khẩu, làm cho giá thành sản xuất tăng cao, khả năng cạnh tranh suy giảm. Mặt khác nền kinh tế thế giới vẫn còn chưa thoát ra khỏi khủng hoảng, tình hình nợ công Châu Âu ngày càng trầm trọng, trong khi đó đồng Yên Nhật mất giá mạnh, giá bán thì tăng 15% - 20% đã làm cho một số công ty nhập khẩu lớn của Nhật hạn chế tiêu thụ mặt hàng tôm. Thị trường Hàn Quốc cũng gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2013 do tình hình bất ổn trên bán đảo Triều Tiên vào tháng 03/2013 dẫn đến doanh số vào thị trường này cũng giảm

Nhưng bằng sự kinh nghiệm, lợi thế về thị trường, công nghệ và làm tốt kế hoạch sản xuất, chuẩn bị tốt nguồn nguyên liệu trong và ngoài nước cho sản xuất nên Minh Phú vẫn tăng trưởng về doanh thu và kim ngạch xuất khẩu, đủ nguồn hàng đáp ứng chẳng những khách hàng hiện tại và khách hàng mới và đó là thành công nổi bật nhất của Minh Phú trong năm 2013, vẫn tiếp tục là một trong công ty xuất khẩu tôm hàng đầu của Việt Nam và thế giới

Năm 2013, Công ty đã sản xuất được 37.892,86 tấn tôm thành phẩm và kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 519.53 triệu USD tăng 16.63% về lượng và tăng 40.64% về giá trị so với năm 2012 và chiếm 7,84% kim ngạch xuất khẩu của ngành thủy sản

Năm 2014 vẫn được đánh giá là một năm khó khăn cho ngành xuất khẩu thủy sản nhưng với lợi thế là một trong những tập đoàn sản xuất và chế biến tôm hàng đầu thế giới có qui trình nuôi trồng, sản xuất khép kín từ sản xuất con giống sạch bệnh, nuôi tôm thương phẩm sạch đến sản xuất chế biến tôm xuất khẩu. Với ưu thế về công nghệ nuôi tôm cũng như công nghệ chế biến tôm xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng tôm giá trị gia tăng đòi hỏi hàm lượng công nghệ cao, điều này giúp cho khả năng cạnh tranh của Minh Phú vượt trội không những đối với các doanh nghiệp sản xuất chế biến tôm trong nước mà còn trên thế giới.

Với chiến lược tầm xa và luôn tiên phong về phát triển chất lượng tôm xuất khẩu, Minh Phú sẽ hợp tác với Công ty Aquamekong nhằm nghiên cứu chuẩn đoán tìm mầm bệnh, và các bệnh hiện có trên tôm nhằm hạn chế bệnh dịch EMS và các bệnh khác trên tôm để nâng cao hiệu quả các công ty nuôi và tôm giống post. Phát triển chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo chất lượng tôm đầu vào đáp ứng nhu cầu chất lượng của các khách hàng Nhật và các thị trường đòi hỏi tôm thành phẩm chất lượng cao

Nhân dịp này Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty xin gửi lời cảm ơn tới các đối tác, các cơ quan hữu quan và toàn thể cổ đông về sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng đối với công ty Minh Phú trong suốt thời gian qua. Với sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng đó, Minh Phú sẽ tiếp tục phát triển ổn định, phát triển bền vững và vẫn là công ty hàng đầu của Việt Nam về xuất khẩu tôm trong giai đoạn tới.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc kính chúc toàn thể cổ đông và cán bộ công nhân viên Tập đoàn thủy sản Minh Phú cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

**Trân trọng kính chào!**

**Chủ tịch hội đồng quản trị**  
  
**Lê Văn Quang**



## GIỚI THIỆU

### Lịch sử hình thành và phát triển

#### 1992

-Doanh nghiệp tư nhân cung ứng hàng xuất khẩu Minh Phú được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 120 triệu đồng, ngành nghề kinh doanh chính là thu mua, chế biến thủy sản để cung ứng cho các đơn vị trong nước xuất khẩu

#### 1998

-Ngày 01 tháng 07 năm 1998, được đổi tên là Xí nghiệp chế biến thủy sản Minh Phú và đồng thời tăng vốn điều lệ lên thành 5 tỷ đồng.

#### 2002

-Tháng 12 năm 2002, Xí nghiệp chế biến thủy sản Minh Phú được giải thể và thành lập Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Minh Phú - TNHH với vốn điều lệ là 90 tỷ đồng, ngành nghề kinh doanh chính của công ty là thu mua chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu

#### 2006

- Chuyển từ mô hình công ty TNHH sang công ty cổ phần  
- Ngày 27/12/2006 cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với 60.000.000 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu

#### 2008

-Ngày 25 tháng 06 năm 2008, Góp vốn vào Công ty Mseafood USA 20 triệu USD chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Mseafood.  
-Ngày 08 tháng 07 năm 2008, thành lập Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú với vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.

#### 2009

-Ngày 17 tháng 08 năm 2009, Khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú-Hậu

---

Giang công suất 40.000 tấn thành phẩm/ năm với vốn đầu tư khoảng 50 triệu USD

## **2010**

- Ngày 23 tháng 06 năm 2010, đổi tên công ty thành Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú.
- Ngày 26 tháng 05 năm 2010, thành lập Công ty TNHH một thành viên tôm sinh thái Minh Phú với vốn điều lệ 20 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.
- Ngày 11 tháng 11 năm 2010, thành lập Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú- Lộc An với vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.

## **2011**

- Ngày 15/02/2011, tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Lộc An từ 50 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 100 %.
- Ngày 26/07/2011, tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH chế biến Thủy sản Minh Phú – Hậu Giang từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 97.5%.
- Ngày 6/12/2011 thành lập công ty TNHH MTV nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền với vốn điều lệ 250 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 100%

## **2012**

- Ngày 18/10/2012 giải thể công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Ninh Thuận

## **2013**

- Ngày 19/10/2013 Tập đoàn thủy sản Minh Phú đạt được thỏa thuận chào bán riêng lẻ 26,67 triệu cổ phiếu, tương đương 30.77% cổ phần của Công ty con là Công ty thủy sản Minh Phú Hậu Giang cho Công ty TNHH Mitsui & Co (Asia Pacific) – Công ty con tại Singapore thuộc tập đoàn Mitsui
- Ngày 18/11/2013 chuyển đổi tên Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang thành Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú Hậu Giang và tăng vốn điều lệ lên 866.666.670.000 đồng, trong đó Công ty cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú sở hữu 67,5%, Công ty TNHH Mitsui & Co (Asia Pacific) sở hữu 30,8% và ông Nguyễn Thanh Căn sở hữu 1,7%

## **Các sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty**

### **1998**

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phú với công suất 5.000 tấn thành phẩm/năm

### **2000**

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Quý với công suất 7.000 tấn thành phẩm/năm

### **2006**

Chính thức tham gia vào hoạt động nuôi tôm thương phẩm với sự ra đời của Công ty nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Kiên Giang

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phát với công suất 7.000 tấn thành phẩm/năm

Khánh thành và đưa vào hoạt động Trại sản xuất con giống Ninh Thuận với công suất thiết kế 5

tỷ tôm post /năm

## 2010

Nâng công suất cơ sở chế biến tôm xuất khẩu ở Cà Mau lên 36.000 tấn thành phẩm /năm

## 2011

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phú Hậu Giang với công suất 40.000 tấn thành phẩm/năm

## 2012

Ngày 18/10/2012 giải thể công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Ninh Thuận

## 2013

Giải thể Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2013 ngày 16/05/2013 số 01/NQĐHMP13

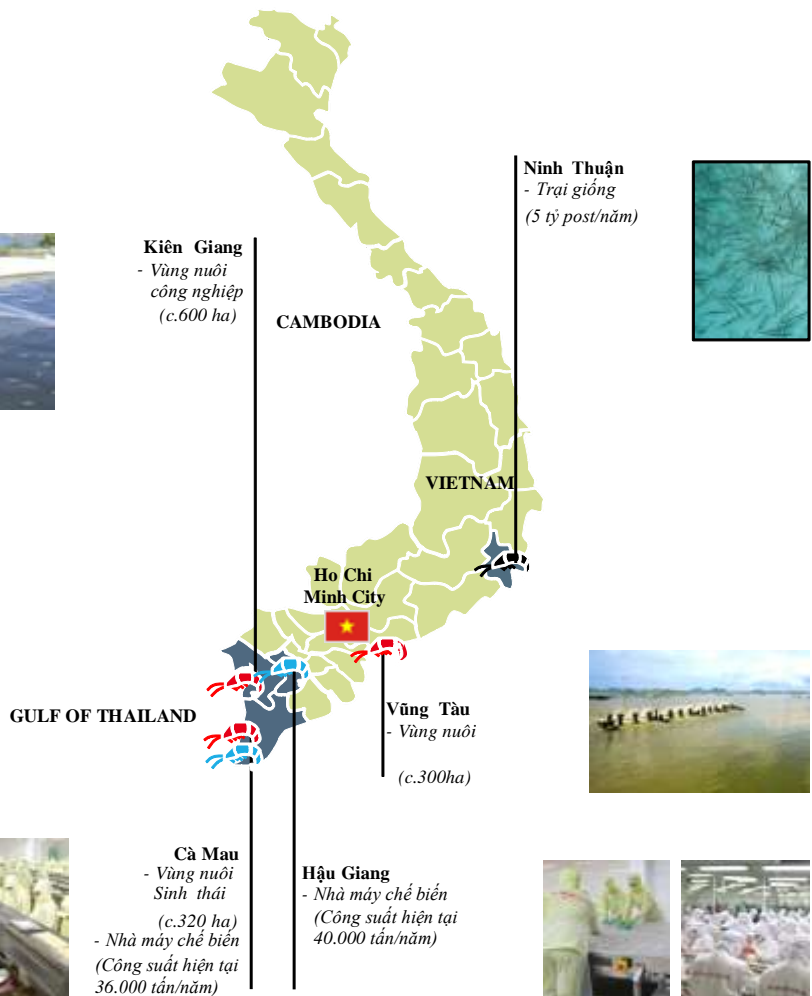
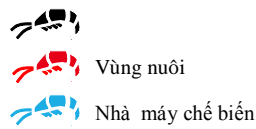
Chuyển đổi Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang thành Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú Hậu Giang

### Các công ty con và công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Đơn vị	Hoạt động kinh doanh chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu của Minh Phú	Cổ đông thiểu số
1	Công ty Mseafood USA	22.2	triệu USD	Nhập khẩu, phân phối thủy sản	California, Mỹ	90%	Lê Văn Quang
2	Công ty cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	866.67	tỷ VND	Chế biến tôm xuất khẩu	Châu Thành, Hậu Giang	67.5%	Nguyễn Thanh Càn
3	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Quý	200	tỷ VND	Chế biến tôm xuất khẩu	Tp. Cà Mau	97.5%	Chu Thị Bình
4	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phát	100	tỷ VND	Chế biến tôm xuất khẩu	Tp. Cà Mau	95.0%	Lê Văn Quang
5	Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	150	tỷ VND	Nuôi tôm công nghiệp	huyện Kiên Lương, Kiên Giang	99.1%	Lê Văn Quang
6	Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	30	tỷ VND	Gia hóa, tuyển chọn và sản xuất tôm giống	huyện Ninh Phước, Ninh Thuận	98.5%	Lê Văn Quang
7	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú - Lộc An	150	tỷ VND	Nuôi tôm công nghiệp	Đất Đỏ, Bà Rịa Vũng Tàu	100%	

8	Công ty TNHH MTV sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	4.5	tỷ VND	Sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản	huyện Thới Bình, Cà Mau	100%	
9	Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Minh Phú - Hòa Điền	250	tỷ VND	Nuôi tôm công nghiệp	huyện Kiên Lương, Kiên Giang	100%	
10	Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	200	tỷ VND	Hợp tác đầu tư dự án cảng	huyện Châu Thành, Hậu Giang	40%	Cty CP Đầu tư Long Phụng 50% & Lê Văn Quang 10%

## Cơ sở nuôi trồng - Trại giống – Cơ sở chế biến





## Quá trình phát triển

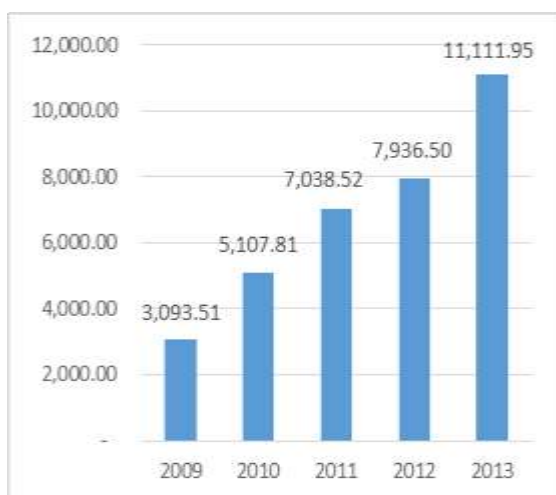
### Ngành nghề kinh doanh

- ❑ Chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản
- ❑ Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu
- ❑ Nhập máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu
- ❑ Kinh doanh bất động sản, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- ❑ Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh giống thủy sản, kinh doanh thức ăn thủy sản và tư máy móc thiết bị, sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản.
- ❑ Kinh doanh tòa nhà cao ốc, văn phòng cho thuê.

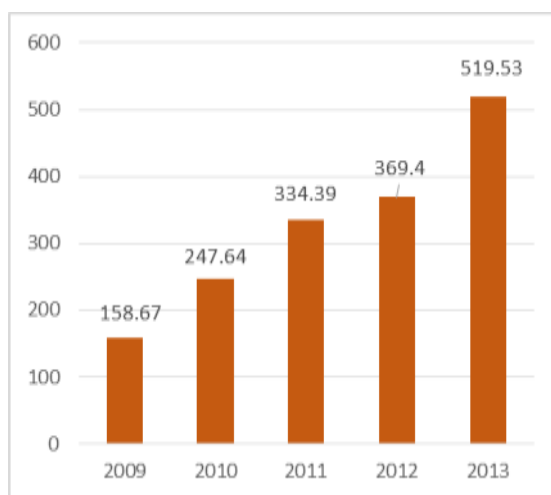
### Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010	2011	2012	2013
Sản lượng sản xuất	Tấn	16.532,53	23.871,47	30.491,79	32.487,86	37.892,05
Sản lượng xuất khẩu	Tấn	16.096,25	23.119,88	27.178,20	32.049,53	38.799,77
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	158,67	247,64	334,39	369,40	519,53
Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.093,51	5.107,81	7.038,52	7.936,50	11.111,95
Tổng lợi nhuận ròng	Tỷ đồng	242,86	314,68	283,70	15,88	293,83

Biểu đồ 1: Doanh thu thuần (Tỷ đồng)



Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)



Nhìn vào biểu đồ ta thấy doanh thu và kim ngạch xuất khẩu của Minh Phú năm sau cao hơn năm trước, mặc dù trong giai đoạn này công ty phải đương đầu với nhiều khó khăn và thách thức như: nguồn cung tôm thiếu hụt do dịch bệnh, nhu cầu tiêu thụ tôm giảm.

Để đạt được tăng trưởng doanh thu ấn tượng như trên, công ty đã đầu tư tăng công suất chế biến, phát triển vùng nuôi và mở rộng thị trường tiêu thụ. Ngoài ra, một phần là do giá tôm trên toàn thế giới tăng nên kim ngạch xuất khẩu của VN cũng tăng và riêng Minh Phú cũng tăng đáng kể và chiếm vị trí dẫn đầu về giá trị xuất khẩu trong ngành thủy sản Việt Nam.

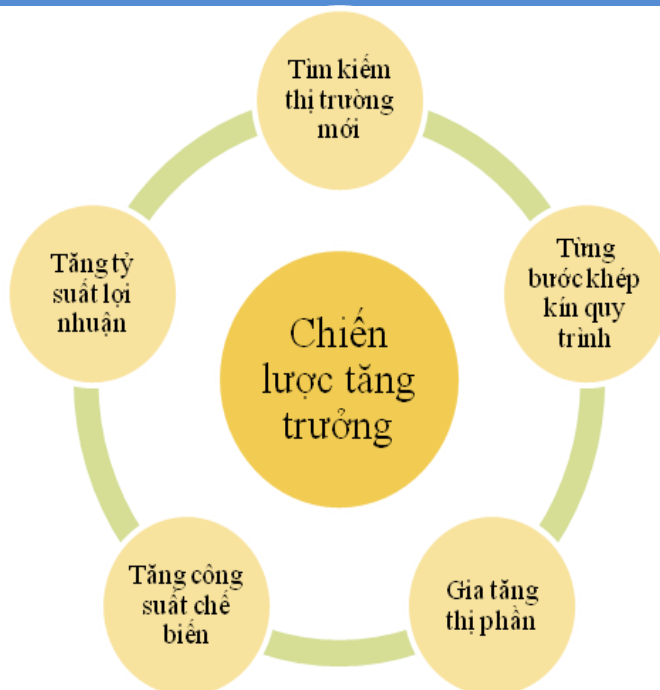
## Định hướng phát triển

### Mục tiêu của công ty

- ❑ Năm 2014, Công ty tiếp tục tập trung vào ngành nghề sản xuất chính của mình đó là sản xuất tôm giống sạch bệnh, không tiếp tục mở rộng diện tích nuôi mà chỉ tổ chức nuôi hết diện tích nuôi tôm hiện có với qui trình công nghệ nuôi xen với cá rô phi cũng như nuôi theo công nghệ Biofloc để hạn chế bệnh EMS cũng như các bệnh tôm khác.
- ❑ Triển khai mạnh mẽ chuỗi cung ứng tôm bền vững Minh Phú để đủ cung cấp tôm chất lượng cao cho Minh Phú chế biến xuất khẩu
- ❑ Minh phú tiếp tục phấn đấu vẫn là công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam.
- ❑ Giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu Minh phú thành thương hiệu mạnh.
- ❑ Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác tổ chức nhân sự, tiền lương và không ngừng đào tạo, thu hút nguồn nhân lực giỏi, luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và công nhân lao động

### Chiến lược tăng trưởng

#### Chiến lược tăng trưởng



Minh Phú dự kiến đạt kim ngạch xuất khẩu 600 triệu USD vào năm 2015. Để đạt được điều này, Công ty đã đầu tư đáng kể vào việc tăng công suất chế biến, mở rộng thị trường mới và tăng thị phần ở những thị trường truyền thống... Các chiến lược tăng trưởng chính của Minh Phú bao gồm:

- ❑ Mở rộng thị trường sang Nga và Trung Quốc, đặc biệt Trung Quốc dự kiến sẽ trở thành một trong những thị trường trọng điểm trong thời gian tới.
- ❑ Không tiếp tục mở rộng diện tích nuôi mà chỉ tổ chức nuôi hết diện tích nuôi tôm hiện có với qui trình công nghệ nuôi xen với cá rô phi cũng như nuôi theo công nghệ Biofloc để hạn chế bệnh EMS cũng như các bệnh tôm khác
- ❑ Triển khai mạnh mẽ chuỗi cung ứng tôm bền vững Minh Phú để đủ cung cấp tôm chất lượng cao cho Minh Phú chế biến xuất khẩu
- ❑ Tăng công suất chế biến thông qua việc đẩy mạnh hoạt động của nhà máy Minh Phú Hậu Giang
- ❑ Tăng thị phần ở các thị trường truyền thống thông qua việc thâm nhập sâu hơn và đa dạng hóa sản phẩm.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Những nét nổi bật của kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2013

Thành công nổi bật nhất của Minh Phú trong năm 2013 là vẫn tiếp tục là một trong công ty xuất khẩu tôm hàng đầu của Việt Nam và thế giới, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn và bất ổn, tôm thì chết hàng loạt do hội chứng tôm chết sớm EMS, nguồn cung thiếu hụt, giá tôm thế giới lại tăng 15%-20%, nhưng bằng nội lực của mình Minh Phú vẫn phát triển và tăng trưởng về doanh thu và kim ngạch xuất khẩu trong khi đó có rất nhiều công ty trong ngành đang trong làm ăn thua lỗ và phá sản

Năm 2013, Công ty đã sản xuất được 37.892,86 tấn tôm thành phẩm và kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 519.53 triệu USD tăng 16.63% về lượng và tăng 40.64% về giá trị so với năm 2012 và chiếm 7,84% kim ngạch xuất khẩu của ngành thủy sản. Về lĩnh vực nuôi tôm thương phẩm do hội chứng tôm chết sớm EMS vẫn còn xảy ra nên công ty chỉ sản xuất được 905,97 tấn tôm thương phẩm đáp ứng được một phần nhỏ nhu cầu tôm nguyên liệu cho các nhà máy chế biến của Minh Phú. Trại sản xuất tôm giống ở Ninh Thuận sản xuất được 455,93 triệu tôm post, góp phần chủ động được nguồn tôm giống sạch bệnh cho vùng nuôi của công ty cũng như các vùng nuôi liên kết.

### Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2013	So sánh với kế hoạch
1- Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	519,53	465,00	111,73%
2- Sản lượng sản xuất	Tấn	37.892,05	36.900,00	102,68%
3- Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	11.111,95	9.800,00	113,38%
4- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	365,75	360	101,59%
5- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	293,83	295	99,60%

### Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh

Mặc dù sản lượng sản xuất tôm tăng, kim ngạch xuất khẩu tăng so với năm 2012, tuy nhiên về kế hoạch lợi nhuận đạt được chỉ 99.60% so với kế hoạch.

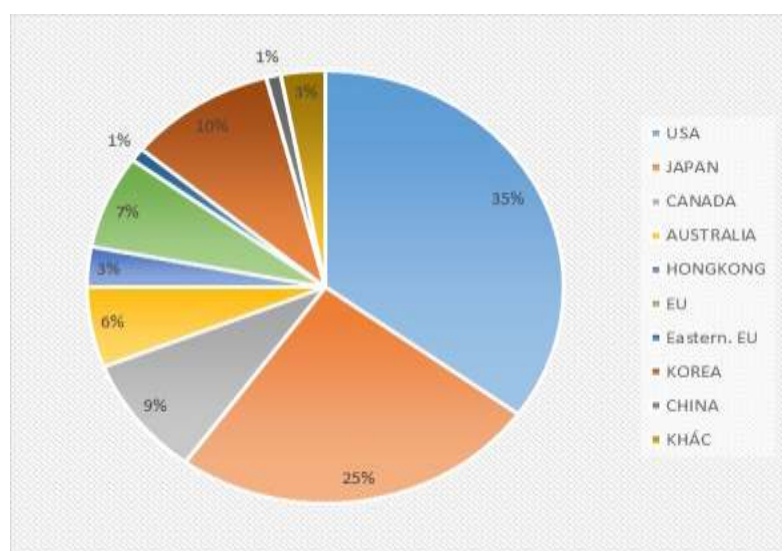
Việc không đạt được kế hoạch đề ra cho năm 2013 là do các yếu tố sau đây:

- Do kinh tế thế giới vẫn còn chưa thoát ra khỏi khủng hoảng, tình hình nợ công Châu Âu ngày càng trầm trọng, trong khi đó đồng Yên Nhật mất giá mạnh, giá bán thì tăng đã làm cho một số công ty nhập khẩu lớn của Nhật hạn chế tiêu thụ mặt hàng tôm.
- Thị trường Hàn Quốc cũng gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2013 do tình hình bất ổn trên bán đảo Triều Tiên vào tháng 03/2013 và hệ lụy những tháng tiếp theo, vài khách hàng bị cắt quota nhập khẩu và nhân sự thay của những công ty đó bị thay đổi
- Do hội chứng tôm chết sớm triền miên và trên diện rộng trong cả nước trong đó có vùng nuôi của Minh Phú ở Kiên Giang, Vũng Tàu và Cà Mau đã làm cho các nhà máy chế biến tôm khan hiếm tôm nguyên liệu vì vậy đã làm cho giá thành sản xuất tăng, Trong khi đó các Công ty nuôi tôm thương phẩm vẫn còn bị ảnh hưởng của dịch bệnh tôm chết sớm kéo dài nên đã không đóng góp được lợi nhuận cho Tập đoàn.
- Do các các vùng nuôi chưa đem lại thu nhập đáng kể cho Tập đoàn trong năm 2013 là một trong những nguyên nhân chính làm tăng chi phí tài chính, giảm lợi nhuận của công ty.

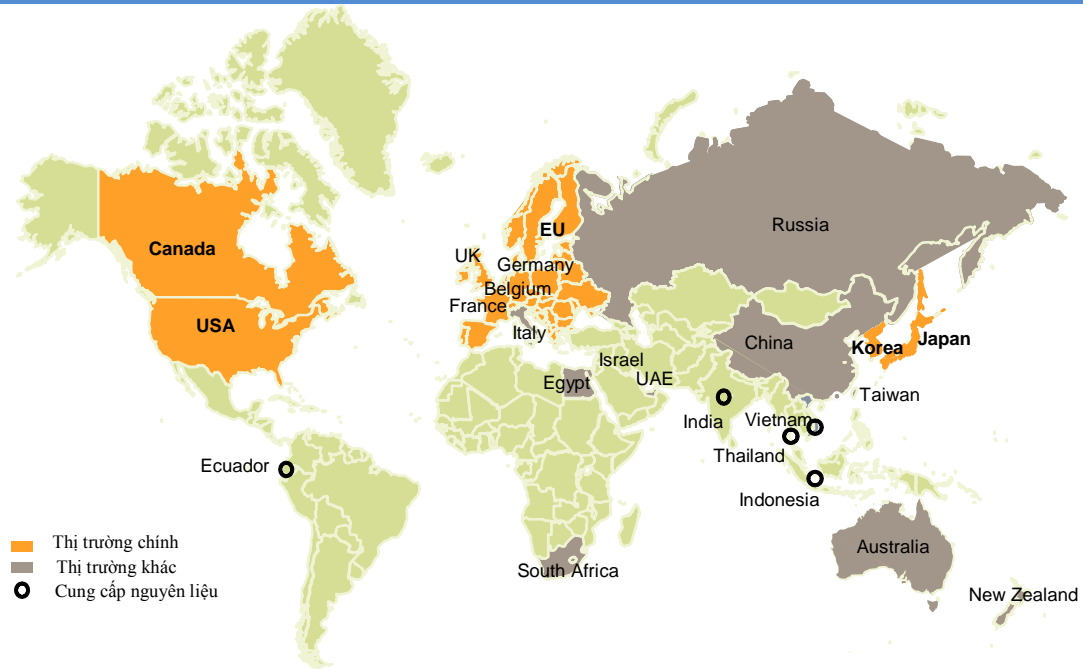
## Tình hình xuất khẩu và thị trường

### Kim ngạch xuất khẩu hợp nhất năm 2013

THỊ TRƯỜNG	GIÁ TRỊ (triệu USD)	TỶ LỆ %
MỸ	185.4	35%
NHẬT	130.3	25%
CANADA	48.9	9%
ÚC	28.6	6%
HONG KONG	13.6	3%
EU	38.2	7%
EASTERN. EU	4.4	1%
KOREA	51.3	10%
CHINA	4.7	1%
KHÁC	14.1	3%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>519.5</b>	<b>100,00</b>



Khách hàng theo vùng địa lý



Những thay đổi chủ yếu trong năm

- ❑ Giải thể Công ty TNHH một thành viên tôm sinh thái Minh Phú theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2013 ngày 16/05/2013 số 01/NQĐHMP13
- ❑ Chuyển đổi Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang thành Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú Hậu Giang

Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- ❑ Tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- ❑ Đầu tư trung tâm nghiên cứu gia hóa và tuyển chọn tôm sú, thẻ chân trắng (Vanamei) bố mẹ sạch bệnh, có khả năng tăng trưởng nhanh, tỷ lệ sống cao làm giảm giá thành tôm nuôi, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong cũng như ngoài nước, tiến tới chủ động được hoàn toàn nguồn tôm bố mẹ có chất lượng cao.
- ❑ Không tiếp tục mở rộng diện tích nuôi mà chỉ tổ chức nuôi hết diện tích nuôi tôm hiện có với qui trình công nghệ nuôi xen với cá rô phi cũng như nuôi theo công nghệ Biofloc để hạn chế bệnh EMS cũng như các bệnh tôm khác.
- ❑ Đẩy mạnh sản xuất chế phẩm sinh học để phục vụ cho các công ty thành viên nuôi trồng thủy sản và bán cho các hộ nuôi trồng thủy sản.
- ❑ Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng giá trị gia tăng như: Tôm Ring, tôm Nobashi, tôm Sushi, tôm tẩm bột, Tôm Tempura, tôm tẩm gia vị ... làm tăng khả năng cạnh tranh khi xuất vào thị trường Mỹ, Nhật Bản, EU và Hàn Quốc.
- ❑ Hợp tác với Công ty Aquamekong nhằm nghiên cứu chuẩn đoán tìm mầm bệnh, và các bệnh hiện có trên tôm nhằm hạn chế bệnh dịch EMS và các bệnh khác trên tôm để nâng cao hiệu quả các công ty nuôi và tôm giống post.
- ❑ Phát triển chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo chất lượng tôm đầu vào đáp ứng nhu cầu chất lượng của các khách hàng Nhật và thị trường khó tính
- ❑ Liên doanh với các đối tác trong ngoài nước để xây dựng cảng Container Hậu Giang.

- ❑ Mở thêm các công ty phân phối ở EU, Nga, Trung Quốc.... để tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng hiệu quả của việc sản xuất, chế biến, xuất khẩu và phân phối tôm trên toàn cầu

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Báo cáo tình hình tài chính

#### *Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán*

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	76,95	69,99
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	23,05	30,01
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	73,63	77,98
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	26,37	22,02
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,36	1,28
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,61	0,53
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	3,29	0,43
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	2,64	0,20
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	4,77	0,55
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,83	0,25
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b>	%	18,55	1,21

#### *Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh*

Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty tương đối tốt. Công ty luôn thanh toán đúng hạn mọi khoản công nợ. Khả năng thanh toán của năm 2013 cao hơn năm 2012 nằm trong giới hạn rất an toàn, do công ty tăng cường bán hàng vào các thị trường có khả năng thanh toán tốt và nhanh.

Mặt khác do đặc thù của ngành kinh doanh chế biến tôm là cứ vào cuối năm là vào vụ nên cần rất nhiều vốn để thu mua tôm cho các đại lý cung cấp tôm. Vì vậy để chủ động được nguồn tài chính phục vụ cho sản xuất kinh doanh, công ty đã có các mối quan hệ tín dụng với các ngân hàng thương mại rất tốt đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn của công ty.

### Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013

Tài Sản	Tại 01/01/2013	Tại 31/12/2013
A- Tài sản ngắn hạn	4.388.614.632.763	5.896.282.877.679
B- Tài sản dài hạn	1.881.317.171.189	1.766.050.328.721
<b>Tổng tài sản</b>	<b>6.269.931.803.952</b>	<b>7.662.333.206.400</b>
Nguồn vốn		
A- Nợ phải trả	4.889.858.838.669	5.641.659.933.624
B- Nguồn vốn chủ sở hữu	1.310.050.470.480	1.584.345.602.431
C- Lợi ích của cổ đông thiểu số	70.732.722.803	436.327.670.345
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>6.269.931.803.952</b>	<b>7.662.333.206.400</b>

### Những thay đổi về vốn cổ đông

Tại ngày 12/04/2013 có 1.770 cổ đông đến ngày 17/12/2013 chốt danh sách là : 1.571 cổ đông.

### Tổng số cổ phiếu của công ty

- + Cổ phiếu phổ thông: 70.000.000 CP
- + Cổ phiếu ưu đãi : Không

**Tổng số trái phiếu đang lưu hành:** Không

**Cổ phiếu quỹ, cổ phiếu dự trữ:** 630.560

**Cổ tức:** Chưa có quyết định chia từ Đại hội cổ đông

### Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2013	So với năm 2012	So sánh với kế hoạch
1- Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	369,40	519,53	465,00	140,64%	111,72%
2- Sản lượng sản xuất	Tấn	32.487,86	37.982,05	36.900,00	116,91%	102,93%
3- Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	7.936,50	11.111,95	9.800,00	140,01%	113,38%
4- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	34,45	365,75	360,00	1.061,68%	101,60%
5- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,88	293,83	295,00	1.850,31%	99,60%
6- Lãi cơ bản trên / CP	Đồng	241	3.882		16.10%	

### Những tiến bộ công ty đạt được

- ❑ Hệ thống quản lý chất lượng được công ty áp dụng quản lý theo tiêu chuẩn sau : HACCP, GMP, SSOP, ISO 9001:2000, ISO 22000:2005, BRC,BAP, ACC, Global Gap... và công ty có Eu code DL145 được phép xuất hàng vào thị trường EU, tiêu chuẩn cho phòng kiểm nghiệm ISO 17025
- ❑ Code EU cho nhà máy DL 145, DL 321
- ❑ Đạt giải thưởng hiệu mạnh Việt Nam năm 2006,2007,2008,2009 và Tốp 10 giải vàng chất lượng thủy sản Việt Nam.
- ❑ Đạt doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc nhiều năm liền 2003,2004, 2005,2006,2007,2008.2009 và năm 2010.
- ❑ Đạt giải thưởng quả cầu vàng năm 2007
- ❑ Kim ngạch xuất khẩu thủy sản cao nhất nước.
- ❑ Đạt được chứng chỉ ACC 3 sao “Sản phẩm được phép bán trong các siêu thị tại thị trường Hoa Kỳ” : Sao trại tôm giống, Sao đầm nuôi tôm và Sao nhà máy chế biến do tổ chức: The Accretation Committee of Aquaculture Certification Council, Inc., cấp.
- ❑ Đạt được chứng chỉ Global Gap “Sản phẩm được phép bán trong các siêu thị tại thị trường EU”
- ❑ Công ty luôn đặt mục tiêu quản lý chất lượng lên hàng đầu trong toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty. Với khẩu hiệu “ Minh Phú luôn luôn lắng nghe, thấu hiểu và thỏa mãn mọi yêu cầu của khách hàng”

## Kế hoạch phát triển kinh doanh

### \* Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2014

- Kim ngạch xuất khẩu hợp nhất : 550 triệu USD
- Sản lượng sản xuất hợp nhất : 46.750 tấn tôm thành phẩm
- Tổng doanh thu thuần hợp nhất : 11.715 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất : 487 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất : 421 tỷ đồng

### \* Kế hoạch phát triển kinh doanh dài hạn

Để đạt được các mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững, Minh Phú đã và sẽ tiếp tục triển khai các kế hoạch phát triển dài hạn trong đó chú trọng đến :

- Tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- Minh phú tiếp tục phấn đấu vẫn là công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam.
- Giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu Minh phú thành thương hiệu mạnh.
- Không tiếp tục mở rộng diện tích nuôi mà chỉ tổ chức nuôi hết diện tích nuôi tôm hiện có với qui trình công nghệ nuôi xen với cá rô phi cũng như nuôi theo công nghệ Biofloc để hạn chế bệnh EMS cũng như các bệnh tôm khác
- Liên kết với các đơn vị sản xuất thức ăn cho tôm cho hàng đầu của thế giới , để đầu tư xây dựng nhà máy thức ăn cho tôm cung cấp thức ăn cho các Công ty nuôi tôm của Minh Phú

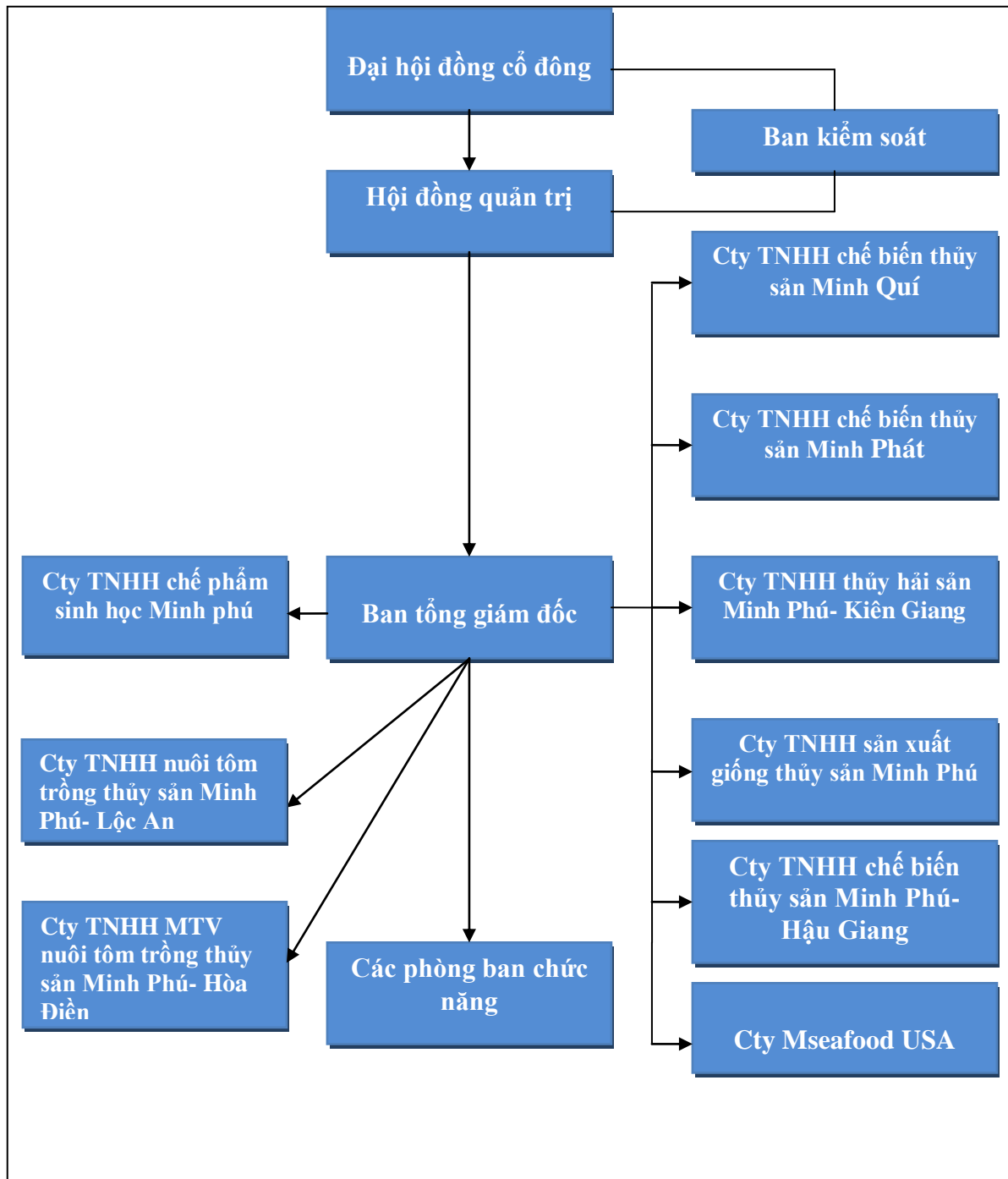


tạo thành một quy trình sản xuất khép kín từ thức ăn, con giống sạch bệnh, nuôi tôm thương phẩm sạch đến sản xuất chế biến xuất khẩu.

- Liên kết với các đơn vị sản xuất bao bì thùng carton; bọc PA/PE; khay nhựa; khay xếp; sản xuất bột cũng như sản xuất nước sốt hàng đầu Việt Nam và thế giới để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì, vật tư, vật liệu.... hình thành một hệ thống các nhà máy vệ tinh xung quanh nhà máy Minh Phú - Hậu Giang để cung cấp cho các nhà máy của Tập đoàn Thủy sản Minh Phú.
- Đầu tư trung tâm nghiên cứu gia hóa và tuyển chọn tôm sú, thẻ chân trắng (Vanamei) bố mẹ sạch bệnh, có khả năng tăng trưởng nhanh, tỷ lệ sống cao và thích ứng được sự biến đổi của thời tiết và khí hậu để tiến tới chủ động được hoàn toàn nguồn tôm bố mẹ đảm bảo cho nuôi tôm an toàn và bền vững.
- Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng giá trị gia tăng như : Tôm ring, tôm Nobashi, tôm Sushi, tôm tẩm bột, Tôm Tempura , tôm tẩm gia vị ... làm tăng khả năng cạnh tranh khi xuất vào thị trường Mỹ, Nhật Bản , EU và Hàn Quốc.
- Liên kết với đối tác trong và ngoài nước xây dựng cảng Container tại Hậu Giang.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác tổ chức nhân sự, tiền lương và không ngừng đào tạo, thu hút nguồn nhân lực giỏi, luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và công nhân lao động.
- Mở thêm các công ty phân phối ở EU, Nga, Trung Quốc.... để tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng hiệu quả của việc sản xuất, chế biến, xuất khẩu và phân phối tôm trên toàn cầu.
- Hợp tác với Công ty Aquamekong nhằm nghiên cứu chuẩn đoán tìm mầm bệnh, và các bệnh hiện có trên tôm nhằm hạn chế bệnh dịch EMS và các bệnh khác trên tôm để nâng cao hiệu quả các công ty nuôi và tôm giống post.
- Phát triển chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo chất lượng tôm đầu vào đáp ứng nhu cầu chất lượng của các khách hàng Nhật và thị trường khó tính

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Cơ cấu tổ chức





## Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc		
Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
<p>Ông Lê Văn Quang 55 Tuổi</p> 	<p>Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 28/10/1958</li> <li>- Nơi sinh: Bệnh viện Quảng Yên - Quảng Ninh</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 385/37B Điện Biên Phủ, Phường 4 Quận 3, TPHCM</li> <li>- Điện thoại liên lạc: (84.780) 3838 262</li> <li>- Trình độ văn hoá: 10/10</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1981 - 1983: Cán bộ kỹ thuật sở thủy sản Minh Hải.</li> <li>+ 1983 - 1986: Phó phòng thu mua Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải</li> <li>+ 1986 - 1988: Quản đốc phân xưởng Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Minh Hải</li> <li>+ 1992 - 2003: Chủ doanh nghiệp tư nhân Minh Phú.</li> <li>+ 2003 – 2006: Tổng giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Phú.</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú; Chủ tịch HĐQT thành viên Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang, Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú.</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul>
<p>Bà Chu Thị Bình 50 Tuổi</p> 	<p>Phó Chủ Tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 1964</li> <li>- Nơi sinh: Thái Bình</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 112B Phan Bội Châu, F7, TP Cà Mau.</li> <li>- Điện thoại liên lạc: (84.780) 3820044</li> <li>- Trình độ văn hóa: 10/10</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Trung cấp</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1981 – 1995: Nhân viên thu mua, Kế toán Công ty Chế biến Thủy sản Cà Mau</li> <li>+ 1996 – 1997: Phó giám đốc Xí nghiệp Hợp tác</li> <li>+ 1998 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú, Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý.</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú; Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý.</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không</li> </ul>

**Ban Giám Đốc**

<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Thông tin chi tiết</b>
<p>Ông Chu Văn An 60 Tuổi</p> 	<p>Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 02/05/1953</li> <li>- Nơi sinh: Thái Bình</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Quê quán: Thái Bình, Việt Nam</li> <li>- Địa chỉ thường trú: số 09 Khu tập thể Minh Phú, xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau</li> <li>- Điện thoại liên lạc: (84.780) 3820044</li> <li>- Trình độ văn hoá: 10/10</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1997 - 1999: Trưởng ban quản lý Công trình.</li> <li>+ 1999 - 2001: Trưởng phòng tổ chức, hành chính xí nghiệp Minh Phú.</li> <li>+ 2002 - nay: Phó tổng Giám đốc phụ trách Nhân sự</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hành chính Nhân sự Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú; Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang.</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul>
<p>Ông Thái Hoàng Hùng 50 Tuổi</p> 	<p>Phó Tổng Giám Đốc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 1964</li> <li>- Nơi sinh: Bạc Liêu</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: Khu Tập Thể Cty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú, Phường 8, TP Cà Mau</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 0780.3837804</li> <li>- Trình độ văn hoá: 10/10</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1982 - 1987: Học Đại học Thủy sản ở Nha Trang.</li> <li>+ 1987 - 1991: Phó Giám Đốc Xí nghiệp đông lạnh Bạc Liêu. +</li> <li>1992 - 1995: Trưởng phòng Máy công ty XNK Thủy sản Gia Rai Bạc Liêu</li> <li>+ 1995 – 1998: Trưởng phòng Máy Công ty Liên doanh NIGICO</li> <li>+ 1998 –2003 : Trưởng phòng kỹ thuật công ty XNK thủy sản Minh Phú-TNHH</li> <li>+ 2003 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP tập đoàn Thủy sản Minh Phú</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật Công ty Minh Phú</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul>



**Ban Giám Đốc**

<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Thông tin chi tiết</b>
<p>Ông Nguyễn Tấn Anh 39 Tuổi</p> 	<p>Phó Tổng Giám Đốc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 09-06-1974</li> <li>- Nơi sinh: Bình Thuận</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: B1 Khu Tập Thể Cty CP tập đoàn Thủy sản Minh Phú, Phường 8, TP Cà Mau</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 0780.3668037</li> <li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản, Thạc sĩ QTKD</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1997-1999: KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú</li> <li>+ 2000-2003: Trưởng phòng kinh doanh Minh Phú</li> <li>+ 2003-2006: Giám đốc kinh doanh Minh Phú</li> <li>+ 2006-nay: Phó Tổng Giám đốc Minh Phú</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú.</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul>
<p>Ông Lê Văn Điệp 41 Tuổi</p> 	<p>Phó Tổng Giám Đốc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 26-12-1972</li> <li>- Nơi sinh: Hải Phòng</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 212 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 0780.3581979</li> <li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế</li> <li>- Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1999-2002 : Phó phòng nghiệp vụ, Xí nghiệp CBTS thủy sản Minh Phú</li> <li>+ 2003- 2006 : Phó giám đốc tài chính Công ty XNK thủy sản Minh Phú</li> <li>+ 2006- 2007 : Thành viên hội đồng quản trị, P.Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú.</li> <li>+ 07/05/2007-31/12/2007 : Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú.</li> <li>+ 2008- Nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc tài chính Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú.</li> <li>- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Phó giám đốc Công ty TNHH CBTS Minh Quý và Công ty TNHH CBTS Minh Phát.</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul>

**Ban Giám Đốc**

<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Thông tin chi tiết</b>
<p>Ông Bùi Anh Dũng 39 Tuổi</p> 	<p>Phó Tổng Giám Đốc</p>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năm sinh: 01-01-1975</li><li>- Nơi sinh: Nghệ An</li><li>- Quốc tịch: Việt Nam</li><li>- Dân tộc: Kinh</li><li>- Địa chỉ thường trú: D17-5 khu dân cư Long Thịnh, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ</li><li>- Điện thoại liên lạc: 0711. 2228788</li><li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li><li>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản</li><li>- Quá trình công tác:<ul style="list-style-type: none"><li>+ 1998-2000: KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú;</li><li>+ 2000-2002: Nhân viên XNK Công ty XNK Thủy sản Minh Phú;</li><li>+ 2003 – 2006: Phó Giám đốc Kế Hoạch - Thị Trường Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú.</li><li>+ 2007 – 2011: Giám đốc Kế Hoạch - Thị Trường Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú.</li></ul></li><li>- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc nhà máy Minh Phú Hậu Giang kiêm Giám đốc Kế Hoạch - Thị Trường Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú.- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có</li><li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li></ul>
<p>Ông Lê Ngọc Anh 40 Tuổi</p> 	<p>Phó Tổng Giám Đốc</p>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năm sinh: 20-04-1973</li><li>- Nơi sinh: Thừa Thiên Huế</li><li>- Quốc tịch: Việt Nam</li><li>- Dân tộc: Kinh</li><li>- Địa chỉ thường trú: A4 Khu Tập thể Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú, Phường 8, TP Cà Mau</li><li>- Điện thoại liên lạc: 0780 3839389</li><li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li><li>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản</li><li>- Quá trình công tác:<ul style="list-style-type: none"><li>+ 1997-1999: KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú;</li><li>+ 2000-2003: Trưởng KCS Công ty XNK Thủy sản Minh Phú;</li><li>+ 2003- Nay: Giám đốc Chất lượng Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú</li></ul></li><li>- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách chất lượng Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú.</li><li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có</li><li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li></ul>

## Hội Đồng Quản Trị


Hội Đồng Quản Trị		
Họ và Tên	Vị Trí	Thông tin chi tiết
Ông Lê Văn Quang		(Xem phần Ban Giám Đốc)
Bà Chu Thị Bình		(Xem phần Ban Giám Đốc)
Ông Chu Văn An		((Xem phần Ban Giám Đốc))
Bà Đinh Ánh Tuyết 40 Tuổi 	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 22/09/1973</li> <li>- Nơi sinh: Hà Nội</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Quê quán: Ninh Bình- Việt Nam</li> <li>- Địa chỉ thường trú: Số 2, ngõ 23 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 0903.282.896</li> <li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật ( Đại học Luật Hà Nội), Thạc sĩ luật ( Đại học tổng hợp Pittsburg, Pennsylvania, USA), Thạc sĩ quản trị ( Đại học Solvay - Đại học tổng hợp tự do Bruxel, Bỉ- Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội )</li> <li>- Quá trình công tác:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1996- 2001: Luật sư, Hãng luật Vovan &amp; Associates, Pháp</li> <li>+ 2004-2007 : Luật sư cao cấp, Hãng luật Vilaf Hồng Đức</li> <li>+2007- Nay : Luật sư trưởng, Văn phòng luật sư IDVN</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Minh Phú</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul>
Ông Jean-Eric Jacquemin 52 Tuổi 	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 11/05/1961</li> <li>- Nơi sinh: Port- Gentil</li> <li>- Quốc tịch: Pháp</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 60II Xa lộ Hà Nội, An Phú, An Khánh, Quận 2, HCMC, Việt Nam</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 08 39322318</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh Đại Học Western New England, Springfield, Massachusetts, USA (1983)</li> <li>- Quá trình công tác:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trước năm 1996 : 4 năm kinh nghiệm trong việc tái cơ cấu các doanh nghiệp lỗi ở Mỹ, 8 năm làm việc với tập đoàn PPR và 2 năm ở Việt Nam.</li> <li>+ 1996 – 2000: Làm việc cho quỹ đầu tư Lazard về các dự án liên quan đến lĩnh vực thực phẩm, sau đó chịu trách nhiệm thanh lý tài sản của quỹ này.</li> <li>+ 2000-2002: Chuyên viên tư vấn trong Bộ Phận Tái Cấu Trúc Các Doanh Nghiệp Nhà Nước tại Ernst &amp; Young, tư vấn cho SCERD, Bộ Nông Nghiệp, Bộ Công Thương và Bộ Xây Dựng trong việc cổ phần hóa hơn 30 doanh nghiệp nhà nước.</li> <li>+ Từ năm 2006: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Temasia Capital Limited, một công ty đầu tư với tổng tài sản US\$30m</li> <li>+ Từ năm 2007: Giám Đốc của quỹ đầu tư Red River Holding.</li> <li>+ Từ năm 2008: Giám Đốc Điều Hành của công ty quản lý quỹ Jade River Management.</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Cty cổ phần tập</li> </ul>

đoàn thủy sản Minh Phú, Giám Đốc Điều Hành của công ty quản lý quỹ Jade River Management, Chủ Tịch và CEO của Red River Holding  
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không  
 - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

## Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát		
Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
<p>Ông Phan Văn Dũng 53 Tuổi</p> 	Trưởng Ban	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 26/10/1960</li> <li>- Nơi sinh: Tiền Giang</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Quê quán: Tiền Giang- Việt Nam</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 323-325 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP.HCM</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 0913.911.525</li> <li>- Trình độ văn hoá: 12/12</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế- Kiểm toán viên công chứng</li> <li>- Quá trình công tác:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1983-1991: Giảng viên, Trường đại học kinh tế TP.HCM, Kiểm chuyên viên kế toán Cty Imexco</li> <li>+ 1992-1997 : Kế toán trưởng Cty đầu tư và phát triển khu chế xuất Sài Gòn</li> <li>+ 1997-2004 : Phó giám đốc Cty kiểm toán AFC Sài Gòn, Giám đốc chi nhánh AFC Cần Thơ</li> <li>+ 2004-2006 : Giám đốc điều hành Cty hợp danh kiểm toán và tư vấn kế toán SGN.</li> <li>+ 2006- Nay : Giám đốc Cty TNHH kiểm toán và tư vấn Phan Dũng- PDAC, Giảng viên đại học quốc gia TP.HCM, Đại học dân lập Bình Dương.</li> </ul> </li> <li>- Chức vụ hiện tại : Trưởng ban kiểm soát Cty Minh Phú</li> <li>- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không</li> <li>- Hành vi vi phạm pháp luật: không có</li> </ul>
<p>Bà Mai Thị Hoàng Minh 48 Tuổi</p> 	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 09/09/1965</li> <li>- Nơi sinh: Hà Nội</li> <li>- Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>- Dân tộc: Kinh</li> <li>- Quê quán: Hà Nội - Việt Nam</li> <li>- Địa chỉ thường trú: 103/35 Trần Huy Liệu, Quận Phú Nhuận, TP.HCM</li> <li>- Điện thoại liên lạc: 08.8531533</li> <li>- Trình độ văn hoá: 10/10</li> <li>- Trình độ chuyên môn: PGS Tiến sĩ kinh tế.</li> <li>- Quá trình công tác:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1987: Tốt nghiệp Đại học kinh tế, chuyên viên kiểm tra, kiểm soát các thông tin kinh tế thuộc Trường đại học kinh tế Praha, Tiệp Khắc.</li> <li>+ 1989 : Giảng viên Trường đại học tài chính kế toán TP.HCM, nay là trường Đại học kinh tế TP.HCM.</li> </ul> </li> </ul>



		+ 2001 : Bảo vệ luận án tiến sĩ Trường đại học kinh tế TP.HCM - Chức vụ hiện tại: Thành viên ban kiểm soát Cty Minh Phú, Giảng viên Trường đại học kinh tế TP.HCM - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
Ông Nguyễn Xuân Toán 31 Tuổi 	Thành viên (Tham gia từ 14/12/2012)	- Năm sinh: 20/01/1983 - Nơi sinh: Hải Dương - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Kinh Môn, Hải Dương Minh Hải - Địa chỉ thường trú: Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương - Điện thoại liên lạc: 08 3930.9631 - Trình độ văn hoá: 12/12  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế Biến Thủy Sản (Đại học Thủy sản Nha Trang), Cử nhân Tài Chính – Ngân hàng (Đại học Kinh tế Luật – ĐHQG TP.HCM) - Quá trình công tác: 3/2006 – 3/2007: KCS tại xưởng Nobashi, Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú. 3/2007- 2012: Thư ký Hội đồng quản trị Tập đoàn Thủy sản Minh Phú, phụ trách công bố thông tin - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

## Cơ cấu nhân sự

Năm	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Công nhân lành nghề	Tổng cộng	Lương trung bình/tháng (triệu VND)	Mức tăng
2006	0	90	14	43	2.116	<b>2.263</b>	1,80	
2007	0	103	19	74	3.029	<b>3.225</b>	2,06	14,2%
2008	0	110	22	104	3.943	<b>4.179</b>	2,00	-2,7%
2009	1	172	23	207	5.269	<b>5.672</b>	2,50	25,0%
2010	3	238	36	218	6.412	<b>6.907</b>	2,81	12,2%
2011	7	435	252	630	10.744	<b>12.068</b>	3,59	28,0%
2012	5	425	100	477	8.919	<b>9.926</b>	3,26	-17,75%
2013	6	401	100	463	8.636	<b>9.604</b>	3,56	-3,2%

## Chính sách đối với người lao động

- Đảm bảo đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo qui định của pháp luật
- Tiền lương của tất cả cán bộ công nhân viên tính theo sản phẩm.
- Tiền thưởng hàng tháng bình bầu xếp loại A, B, C cho từng cán bộ công nhân viên theo tiêu chuẩn công việc hoàn thành xuất sắc và ngày công đầy đủ để xếp hạng thưởng.

## HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

### Hội đồng quản trị : Gồm 5 Thành viên

1- Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch hội đồng quản trị
2- Bà Chu Thị Bình	Thành viên hội đồng quản trị
3- Ông Chu Văn An	Thành viên hội đồng quản trị
4- Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên hội đồng quản trị
5- Bà Đinh Ánh Tuyết	Thành viên hội đồng quản trị

### Ban tổng giám đốc : Gồm 6 thành viên

1- Ông Lê Văn Quang	Tổng giám đốc
2- Bà Chu Thị Bình	Phó tổng giám đốc
3- Ông Chu Văn An	Phó tổng giám đốc
4- Ông Thái Hoàng Hùng	Phó tổng giám đốc
5- Ông Nguyễn Tấn Anh	Phó tổng giám đốc
6- Ông Lê Văn Điệp	Phó tổng giám đốc
7- Ông Lê Ngọc Anh	Phó tổng giám đốc
8- Ông Bùi Anh Dũng	Phó tổng giám đốc

### Ban kiểm soát : Gồm 3 thành viên

1- Ông Phan Văn Dũng	Trưởng ban kiểm soát
2- Bà Mai Thị Hồng Minh	Thành viên ban kiểm soát
3- Ông Nguyễn Xuân Toán	Thành viên ban kiểm soát

## Hoạt động của hội đồng quản trị

- Ngày 15/04/2013 họp định kỳ, báo cáo tình hình Quý 1/2013
- Ngày 25/04/2013 thông qua chương trình họp Đại hội cổ đông thường niên 2013
- Ngày 07/05/2013 bổ nhiệm Ông Nguyễn Thiện Tâm làm Giám đốc tài chính tập đoàn
- Ngày 15/07/2013 chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2013-2014
- Ngày 03/10/2013 chuyển đổi mô hình hoạt động và tăng vốn cho Công ty con (MPHG)
- Ngày 30/11/2013 triệu tập đại hội cổ đông bất thường.

### ***Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành***

Các tiểu ban trong HĐQT và vai trò của nó ( Ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban bổ nhiệm...)

- Hội đồng tiền lương : Xét duyệt tăng bậc lương, hệ số lương thưởng, xét lương thưởng cho từng bộ phận.
- Ban quản lý dự án đầu tư : Lập phương án đầu tư , quản lý và theo dõi, giám sát và đôn đốc dự án đầu tư.

### ***Hoạt động của ban kiểm soát***

Thường xuyên kiểm tra kiểm soát toàn diện trên tất cả các mặt như : Chính sách tiền lương, tiền thưởng, tính chấp hành chính sách chế độ về quản lý tài chính , chế độ kế toán nhà nước ban hành. Thực hiện việc đầu tư, kiểm tra việc thực hiện quyền lợi của nhà đầu tư, kiểm soát việc thực hiện các quy chế của công ty.

#### ***Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị của công ty***

Từng bước hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ của công ty, giảm thiểu chi phí và định mức tiêu hao nguyên liệu để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh làm tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

#### ***Thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát***

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
1	Hội đồng quản trị	420.000.000
2	Ban kiểm soát	180.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>600.000.000</b>

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và BKS**

STT	Họ và tên	Quan hệ	Ngày 01/01/2013		Ngày 31/12/2013		Thay đổi( +/-)	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Lê Văn Quang- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc		15.961.000	22,80	15.961.000	22,80	0	0
	Chu Thị Bình – Thành viên HĐQT kiêm phó tổng giám đốc	Vợ	17.475.010	24,96	17.475.010	24,96	0	0
	Lê Thị Diệu Minh	Con	3.155.000	4,51	3.155.000	4,51	0	0
	Lê Văn Điệp – Phó tổng giám đốc	Em ruột	1.965.445	2,81	1.965.445	2,81	0	0
2	Chu Văn An – Thành viên HĐQT kiêm phó tổng giám đốc		1.109.400	1,58	1.109.400	1,58	0	0
	Nguyễn T. Kim Trọng	Vợ	1.166	0,002	1.166	0,002	0	0
3	Đinh Anh Tuyết- Thành viên HĐQT		5.000	0,007	5.000	0,007	0	0
4	<b>Jean-Eric Jacquemin</b> - Thành viên HĐQT	-	-	--	-	--	-	-
5	Lưu Minh Trung – Kế toán trưởng		-	-	-	-	-	-
6	Phan Văn Dũng- Trưởng ban kiểm soát		3.000	0,004	3.000	0,004	0	0
7	Mai Thị Hoàng Minh- Thành viên ban kiểm soát		3.000	0,004	3.000	0,004	0	0
8	Nguyễn Xuân Toán- Thành viên BKS		-	-	-	-	-	-

## Thông tin cổ đông

Các dữ liệu thống kê về cổ đông : Tại ngày 17/12/2013

### Cổ đông trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước: 61.922.990 cổ phiếu chiếm 88,46%

Trong đó :

+ Cổ đông tổ chức : 9.718.684 cổ phiếu chiếm 15,69%

+ Cổ đông cá nhân : 52.204.306 cổ phiếu chiếm 84,31 %

- Thông tin về các cổ đông lớn :

+ Có 03 cổ đông là tổ chức nắm giữ 5% cổ phiếu trở lên :

1. Red River Holding 9,47% Cổ phần

2. Vietnam Investment Fund 7,13% Cổ phần

3. Long Phung Invest 5,84% Cổ phần

+ Có 7 cổ đông nắm giữ 5 % cổ phiếu trở lên là :

1. Ông Lê Văn Quang 22,80% Cổ phần

2. Bà Chu Thị Bình 24,96% Cổ phần

3. Bà Phạm Ngọc Hồng Thu 5,68% Cổ phần

4. Red River Holding 9,47% Cổ phần

5. Vietnam Investment Fund 7,13% Cổ phần

6. Long Phung Invest 5,84% Cổ phần

### Cổ đông nước ngoài

- Tổng số cổ phần của tổ chức và cá nhân nước ngoài nắm giữ : 8.077.010 CP chiếm 11,54%

+ Cổ đông cá nhân : 206.410 Cổ phần chiếm 0,29%

+ Cổ đông tổ chức : 7.870.600 Cổ phần chiếm 11,24%

- Thông tin về cổ đông nước ngoài lớn chiếm 5% cổ phần trở lên : có 01 cổ đông

1. Red River Holding : 6.628.290CP chiếm 9,47% Cổ phần

# HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

## Môi trường và cộng đồng

### **TẤT CẢ CÁC NHÀ MÁY CỦA MINH PHÚ ĐỀU CÓ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHUẨN**

Các nhà máy của MINH PHÚ được thiết kế hiện đại, đạt tiêu chuẩn HACCP, ISO tạo môi trường làm việc sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn lao động.

Bên cạnh đó, công ty đầu tư những máy móc thiết bị tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu và điện năng, góp phần giảm thải các khí gây hiệu ứng nhà kính như carbon dioxide, methane, ...

Là một công ty chuyên sản xuất chế biến tôm, MINH PHÚ không chỉ chú trọng về an toàn vệ sinh thực phẩm mà còn đặt yếu tố thân thiện với môi trường lên hàng đầu. Tất cả các nhà máy, vùng nuôi tôm của MINH PHÚ đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về đánh giá tác động môi trường ngay từ những ngày đầu xây dựng.

Không chỉ đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định, các nhà máy MINH PHÚ còn có hệ thống thu gom triệt để các chất thải từ quá trình chế biến (như đầu vỏ tôm) để làm nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất chitin chitosan.

### **MINH PHÚ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI**

#### **SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

Các nhà máy của công ty đều được trang bị các dây chuyền công nghệ hiện đại được nhập trực tiếp từ các nước như: Nhật, Đức, Thụy Điển, Đan Mạch... với tiêu chí tạo ra sản phẩm chất lượng cao, tiêu thụ điện năng thấp. Bên cạnh đó, MINH PHÚ đã thay thế toàn bộ qui trình sản xuất theo phương pháp thủ công trước đây (các bàn chế biến thông thường) bằng qui trình sản xuất bán tự động dạng băng tải, với qui trình sản xuất này ngoài việc nâng cao năng suất làm việc, điều kiện làm việc được cải thiện tốt hơn rất nhiều so với trước đây (không gian làm việc thông thoáng, giảm độ ẩm không khí, công nhân không phải đi lại nhiều v.v...) Với qui trình sản xuất này việc thu gom phế phẩm thấy ra từ nguyên liệu và thành phẩm trong từng dây chuyền hoàn toàn tự động và độc lập tránh gây nhiễm chéo giữa nguyên liệu với bán thành phẩm cũng như phế liệu thấy ra.

Dây chuyền sản xuất dạng băng tải mà Minh Phú đang áp dụng rất dễ sử dụng, dễ vệ sinh nên việc kiểm soát vi sinh hoàn toàn có thể. Ngoài ra chúng tôi có thể tiết giảm được lượng nước tiêu hao cho sản xuất so với việc sử dụng từng bàn chế biến riêng lẻ như trước đây khoảng từ 60 đến 70% tùy theo từng điều kiện.

Với qui trình sản xuất liên hoàn dạng băng tải chúng tôi hoàn toàn chủ động trong việc sử dụng, điều tiết, phân phối nguồn nước đặc biệt có thể làm cho nền nhà xưởng luôn giữ được khô ráo, tiết

giảm được điện sử dụng cho máy lạnh, góp phần đảm bảo sức khỏe công nhân viên, hạn chế sự phát triển của vi sinh vật

Bằng việc áp dụng công nghệ cấp đông tiên tiến nhất ở các nước Châu Âu nói chung ngoài việc nâng cao hiệu quả, giảm điện năng tiêu thụ bình quân còn góp phần không nhỏ cho việc nâng cao chất lượng thành phẩm, chất lượng và hình thức sản phẩm hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu khách hàng ở các nước chúng tôi cung cấp

## **GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

Tất cả các nhà máy, vùng nuôi của MINH PHÚ đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về đánh giá tác động môi trường ngay từ những ngày đầu xây dựng.

Hiện nay 02 nhà máy chế biến Thủy sản của Minh Phú ở Cà Mau và Hậu Giang đang sử dụng đèn chiếu sáng trong nhà máy bằng đèn LED thay cho đèn Neon trước đây. Với việc đầu tư công nghệ LED chúng tôi tiết kiệm được lượng điện tiêu thụ khoảng 65% so với việc sử dụng đèn Neon cùng công suất chiếu sáng, ngoài ra đèn LED còn góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường

Về hệ thống xử lý nước thải: hiện tại nhà máy tại Hậu Giang đã được đầu tư Hệ thống xử lý nước thải với công suất 5000m<sup>3</sup>/ngày đêm theo công nghệ UASB và MBBR thu hồi Biogas để tái sử dụng cho nồi hơi đảm bảo nước thải đầu ra đạt loại A theo QCVN 11:2008. Công nghệ này giúp hạn chế tối đa mùi hôi phát sinh trong quy trình xử lý, việc thu hồi khí biogas để tái sử dụng góp phần tiết kiệm nhiên liệu, giảm thiểu phát sinh các khí thải gây hiệu ứng nhà kính như CH<sub>4</sub>, CO<sub>2</sub>... Ngoài ra hệ thống còn được đầu tư thêm hệ thống xử lý bậc cao (bồn lọc áp lực) giúp tái sử dụng 1 phần nước thải vào việc vệ sinh nhà xưởng, tưới cây... Đối với Hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy Cà Mau của Công ty đã được đầu tư từ năm 2008 với công suất 2000m<sup>3</sup>/ngày đêm đảm bảo nước thải đầu ra đạt loại B theo QCVN 11:2008 theo quy định, hiện Minh Phú đang tiến hành khảo sát đầu tư mở rộng, nâng công suất lên 5000m<sup>3</sup>/ngày đêm theo QCVN 11:2008 cột A theo công nghệ tương tự nhà máy ở Hậu Giang. Việc đầu tư Hệ thống xử lý nước thải đồng bộ như trên tại 2 nhà máy là tiền đề để Minh Phú xây dựng theo cơ chế phát triển sạch (CDM), thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

Hệ thống xử lý nước thải của các nhà máy đều được Sở Tài nguyên Môi trường địa phương cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường, một phần nước thải sau xử lý được tái sử dụng.

Các nhà máy của MINH PHÚ được thiết kế hiện đại, đạt tiêu chuẩn ISO, HACCP, tạo môi trường làm việc sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động đối với người lao động, mọi nguồn phát sinh tiếng ồn đều được cách ly hoàn toàn.

Với vùng nuôi của mình, MINH PHÚ nuôi tôm bằng công nghệ sinh học, hạn chế tối đa việc sử dụng hóa chất, thực hiện nuôi tôm bền vững, thân thiện với môi trường. Tại vùng nuôi của MINH PHÚ, khoảng 40% diện tích được dùng làm hệ thống cấp, xử lý nước thải từ ao nuôi tôm. Việc áp dụng công nghệ nuôi tiên tiến giúp cho việc thay nước, xử lý nước được giảm thiểu. Nước thải từ ao nuôi tôm được xử lý và tận dụng tuần hoàn trở lại. Môi trường ao nuôi thực sự là môi trường xanh sạch, bền vững.

## **SỬ DỤNG CÁC LOẠI BAO BÌ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG**

Minh Phú sử dụng bao bì trọng lượng nhẹ, có thể tái chế hoặc có thể tự hủy để bảo vệ môi trường

## **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI**

### **Đối với người tiêu dùng**

Với 20 năm kinh nghiệm phát triển, MINH PHÚ luôn cung cấp các sản phẩm tôm với số lượng và chất lượng tốt nhất, thỏa mãn mọi quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm khắt khe nhất trên thế giới.

MINH PHÚ không ngừng cải tiến, đổi mới công nghệ để các sản phẩm của mình luôn đáp ứng và thỏa mãn mọi nhu cầu cao nhất về chất lượng và giá cả của khách hàng.

### **Đối với cán bộ công nhân viên**

Ổn định và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên là chính sách được ưu tiên hàng đầu của MINH PHÚ. Các hoạt động cụ thể của MINH PHÚ như:

- Xây dựng nhà tập thể cho cán bộ công nhân viên.
- Hỗ trợ cán bộ nhân viên trong việc mua nhà trả góp
- Có xe buýt đưa rước công nhân
- Hỗ trợ tiền ăn trưa (ăn ca) với toàn thể cán bộ công nhân viên
- Phần thưởng khuyến khích học tập cho con em cán bộ công nhân viên đạt loại khá giỏi.

Tại MINH PHÚ, tất cả các cán bộ công nhân viên đều được tôn trọng bình đẳng, tạo điều kiện phát huy năng lực, thăng tiến trong sự nghiệp.

*Với MINH PHÚ là phát triển bền vững, vì thế việc mở rộng phát triển của MINH PHÚ không phải vì danh hiệu này danh hiệu kia, không phải vì khẳng định vị trí thứ nhất, thứ 2 ... mà là vì sự ổn định và chất lượng đời sống người lao động. Hiện nay, lao động tại MINH PHÚ là trên 12.000 người và sẽ tăng lên trên 15.000 người. Phát triển công ty để người lao động có thu nhập cao, ổn định, có được sự thăng tiến trong nghề nghiệp, có cuộc sống đảm bảo. Và có như thế việc phát triển của MINH PHÚ mới có ý nghĩa.*

### **ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG**

MINH PHÚ chia sẻ trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động từ thiện như:

- Xây dựng trường học
- Xây nhà tình nghĩa (02 căn mỗi năm)
- Đóng góp vào quỹ đền ơn đáp nghĩa; quỹ phúc lợi địa phương hàng năm
- Đóng góp xây dựng cho chương trình giao thông nông thôn.  
Trong năm 2011, Công ty đã xây dựng 05 cây cầu cho bà con vùng sâu vùng xa trị giá 1,5 tỷ đồng)
- Tài trợ mổ mắt miễn phí cho người nghèo
- Tài trợ mổ tim



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2013 đã được Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán. Công ty TNHH KPMG Việt Nam là công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 cho công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

<b>Giấy Chứng nhận</b>	6103000072	ngày 12 tháng 5 năm 2006
<b>Đăng kí Kinh doanh</b>	6103000072 (điều chỉnh lần 1)	ngày 25 tháng 5 năm 2007
	6103000072 (điều chỉnh lần 2)	ngày 12 tháng 11 năm 2007
	2000393273	ngày 23 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
	Bà Chu Thị Bình	Phó Chủ tịch
	Ông Chu Văn An	Thành viên
	Bà Đinh Ánh Tuyết	Thành viên
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
	Bà Chu Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Văn An	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Thái Hoàng Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc

<b>Ban kiểm soát</b>	Ông Phan Văn Dũng	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Xuân Toán	Thành viên
	Bà Mai Thị Hoàng Minh	Thành viên

<b>Trụ sở đăng ký</b>	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Việt Nam
-----------------------	---

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 37 đến trang 92 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (sau đây gọi chung là “Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Cà Mau, ngày 7 tháng 3 năm 2014

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 37 đến trang 92.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-120

---

Chong Kwang Puay  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0864-2013-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

---

Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2014

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>5.871.492.742.171</b>	<b>4.388.614.632.763</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.000.246.094.247</b>	<b>1.298.619.003.857</b>
Tiền	111		58.852.319.487	31.485.118.507
Các khoản tương đương tiền	112		1.941.393.774.760	1.267.133.885.350
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>150.798.172.049</b>	<b>128.384.747.714</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		159.502.772.049	138.167.027.714
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(8.704.600.000)	(9.782.280.000)
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>7</b>	<b>989.180.822.486</b>	<b>577.285.119.435</b>
Phải thu khách hàng	131		918.956.697.117	534.722.242.679
Trả trước cho người bán	132		33.241.562.032	23.369.903.794
Các khoản phải thu khác	135		41.892.458.223	28.275.058.286
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(4.909.894.886)	(9.082.085.324)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>2.464.315.121.644</b>	<b>2.228.389.598.540</b>
Hàng tồn kho	141		2.491.281.852.992	2.301.566.070.320
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(73.176.471.780)	(73.176.471.780)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>266.952.531.745</b>	<b>155.936.163.217</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.059.123.928	1.495.455.602
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		206.639.654.930	92.657.134.536
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	9	4.372.613.224	8.942.525.760
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	54.881.139.663	52.841.047.319

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210+ 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.766.050.328.721</b>	<b>1.881.317.171.189</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>11</b>	<b>75.821.969.160</b>	<b>112.489.382.844</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.558.974.233.263</b>	<b>1.645.650.809.029</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.191.585.752.778	1.291.876.203.564
<i>Nguyên giá</i>	222		1.714.268.447.115	1.676.913.350.862
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(522.682.694.337)	(385.037.147.298)
Tài sản cố định vô hình	227	13	136.657.557.882	99.024.434.708
<i>Nguyên giá</i>	228		143.799.476.671	104.256.753.082
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.141.918.789)	(5.232.318.374)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	14	230.730.922.603	254.750.170.757
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>9.180.000.000</b>	<b>9.068.753.530</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.180.000.000	2.180.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		7.000.000.000	7.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			(111.246.470)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>122.074.126.298</b>	<b>114.108.225.786</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	96.524.729.137	91.057.013.097
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33	11.906.774.675	6.319.694.503
Lợi thế thương mại	269	17	16.731.518.186	16.731.518.186
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>7.637.543.070.892</b>	<b>6.269.931.803.952</b>

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>5.616.869.798.116</b>	<b>4.889.148.610.669</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.591.441.153.241</b>	<b>4.056.858.838.496</b>
Vay ngắn hạn	311	18	4.715.626.675.338	3.449.058.871.964
Phải trả người bán	312	19	532.434.499.874	135.868.027.758
Người mua trả tiền trước	313		16.797.187.237	8.525.302.719
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	20	16.889.617.525	18.446.907.372
Phải trả người lao động	315		108.358.151.736	38.688.257.921
Chi phí phải trả	316	21	103.767.152.783	105.484.633.458
Các khoản phải trả khác	319	22	22.991.839.708	211.370.253.272
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	23	74.576.029.040	89.416.584.032
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.428.644.875</b>	<b>832.289.772.173</b>
Vay dài hạn	334	24	-	828.632.880.684
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	33	22.068.981.770	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	25	3.359.663.105	3.656.891.489
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.584.345.602.431</b>	<b>1.310.050.470.480</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>1.584.345.602.431</b>	<b>1.310.050.470.480</b>
Vốn cổ phần	411	27	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
Vốn khác	413		79.806.684.935	
Cổ phiếu quỹ	414	27	(18.537.405.861)	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		93.674.067.633	88.506.239.451
Quỹ đầu tư phát triển	417		32.423.167.608	58.470.998.521
Quỹ dự phòng tài chính	418		13.769.908.805	13.769.908.805
Lợi nhuận chưa phân phối	420		505.332.310.075	271.426.454.467
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>28</b>	<b>436.327.670.345</b>	<b>70.732.722.803</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)</b>	<b>440</b>		<b>7.637.543.070.892</b>	<b>6.269.931.803.952</b>

	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
Tiền bằng ngoại tệ:			
USD		264.234	664.110
JPY		28.304.539	

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Người lập:  
Luu Minh Trung  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:  
Lê Văn Quang  
*Tổng Giám đốc*

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>29</b>	<b>11.206.430.460.422</b>	<b>7.965.666.905.962</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>29</b>	<b>(94.480.405.091)</b>	<b>(29.164.778.420)</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>11.111.950.055.331</b>	<b>7.936.502.127.542</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>30</b>	<b>(9.955.628.683.286)</b>	<b>(7.050.386.436.392)</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.156.321.372.045</b>	<b>886.115.691.150</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	113.758.468.639	62.860.638.501
Chi phí tài chính	22	32	(305.521.702.030)	(419.351.062.292)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(249.916.093.514)</i>	<i>(412.791.349.076)</i>
Chi phí bán hàng	24		(478.047.143.198)	(403.716.071.737)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(110.604.902.548)	(89.631.724.753)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)</b>	<b>30</b>		<b>375.906.092.908</b>	<b>36.277.470.869</b>
Thu nhập khác	31		6.074.024.049	3.937.090.474
Chi phí khác	32		(16.224.376.412)	(5.763.525.895)
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)</b>	<b>40</b>		<b>(10.150.352.363)</b>	<b>(1.826.435.421)</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>365.755.740.545</b>	<b>34.451.035.448</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>33</b>	<b>(55.439.349.822)</b>	<b>(9.301.474.368)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>33</b>	<b>(16.481.901.598)</b>	<b>(9.271.494.216)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)</b>	<b>60</b>		<b>293.834.489.125</b>	<b>15.878.066.864</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
<b>Cổ đông thiểu số</b>	<b>61</b>	<b>28</b>	<b>23.696.346.513</b>	<b>(961.777.658)</b>
<b>Chủ sở hữu của Công ty</b>	<b>62</b>		<b>270.138.142.612</b>	<b>16.839.844.522</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>34</b>	<b>3.882</b>	<b>241</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Người duyệt:

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc



## LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>365.755.740.545</b>	<b>34.451.035.448</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	157.738.867.664	151.886.043.097
Các khoản dự phòng	03	(23.587.993.474)	12.265.076.498
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	(5.458.113.509)	(3.207.118.308)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	12.333.545.050	-
Thu nhập tiền lãi và cổ tức	05	(91.564.719.319)	(50.353.321.356)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(108.236.000)	3.758.527.264
Chi phí lãi vay	06	249.916.093.514	412.791.349.076
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>665.025.184.471</b>	<b>561.591.591.719</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(476.614.155.557)	(71.968.071.650)
Biến động hàng tồn kho	10	(209.197.233.446)	160.996.257.751
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	463.256.369.028	(209.668.096.453)
Biến động chi phí trả trước	12	9.810.344.892	16.710.816.154
		<b>452.280.509.388</b>	<b>457.662.497.521</b>
Tiền lãi vay đã trả	13	(266.510.226.233)	(412.872.391.686)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(51.919.229.520)	(6.551.600.129)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(41.209.237.064)	(46.740.849.401)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>92.641.816.571</b>	<b>(8.502.343.695)</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

Tiền chi mua tài sản cố định	21	(94.831.661.712)	(147.230.298.915)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	919.594.405
Tăng tiền gửi có kỳ hạn	23	(148.269.213.184)	(114.575.988.828)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24	130.330.000.000	66.170.267.484
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ vốn của các đơn vị khác	25	371.824.000	-
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	26	-	144.235.294.118
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	82.192.249.076	52.356.193.433
Tiền thu từ ký quỹ dài hạn	28	-	4.556.157.655
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(30.206.801.820)</b>	<b>6.431.219.352</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số	31	384.898.795.830	-
Tiền mua lại cổ phiếu quỹ	32	(18.537.405.861)	-
Tiền vay nhận được	33	12.588.471.492.808	9.939.364.492.628
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.146.718.807.114)	(9.724.216.257.626)
Tiền trả cổ tức	35	(168.272.812.250)	(6.094.297.579)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>639.841.263.413</b>	<b>209.053.937.423</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>702.276.278.164</b>	<b>206.982.813.080</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.298.619.003.857</b>	<b>1.092.050.143.361</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái</b>	<b>61</b>	<b>(649.187.774)</b>	<b>(413.952.584)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>2.000.246.094.247</b>	<b>1.298.619.003.857</b>

## CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Cán trừ thuế giá trị gia tăng được hoàn vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	806.998.977	-
Chuyển phải thu khác sang đầu tư ngắn hạn	3.807.117.411	-
Thu hồi khoản cho vay bằng nguyên liệu	439.768.200	-
Giá trị của chi phí trả trước dài hạn chưa thanh toán	-	4.794.769.163
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư chưa nhận được	-	5.786.178.618

---

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Người duyệt:

Lưu Minh Trung  
*Kế toán trưởng*

Lê Văn Quang  
*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010. Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2013, trong cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, các cổ đông của Công ty quyết định về việc Công ty sẽ hủy bỏ niêm yết. Việc hủy niêm yết này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt chính thức của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con như sau:

<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy Chứng nhận đầu tư</b>	<b>% quyền sở hữu</b>	
			<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Công ty Cổ phần Mseafood	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	2370515 do Bang California, Hoa Kỳ cấp ngày 27 tháng 12 năm 2001.	90,0%	90,0%
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (*)	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	642041000003 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 18 tháng 11 năm 2013	67,5%	97,5%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 19 tháng 9 năm 2000.	97,5%	97,5%

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu	
			31/12/2013	31/12/2012
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 30 tháng 10 năm 2001.	95,0%	95,0%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	56-02-000417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 1 năm 2006.	99,1%	99,1%
Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	4302000139 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 9 tháng 2 năm 2006.	98,5%	98,5%
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 11 tháng 11 năm 2010.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	6104000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 7 năm 2008.	100%	100%
Công ty TNHH MTV nuôi tôm sinh thái Minh Phú (**)	Nuôi trồng và chế biến các sản phẩm thủy sản; sản xuất và kinh doanh giống thủy sản, thực phẩm thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	2000971566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 26 tháng 5 năm 2010.	-	100%
Công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền	Sản xuất giống thủy sản; nuôi trồng, chế biến và bảo quản thủy hải sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, mua bán máy móc và thiết bị nông nghiệp; mua bán	1701635962 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22 tháng 12 năm 2011.	100%	100%

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu 31/12/2013 31/12/2012
	thức ăn và nguyên liệu gia súc, gia cầm và thủy sản.		

(\*) Theo Giấy chứng nhận đầu tư mới nhất số 642041000003 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 18 tháng 11 năm 2013, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú - Hậu Giang đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang và tăng vốn cổ phần từ 600 tỷ VND lên 867 tỷ VND. Cổ phiếu mới phát hành được mua bởi cổ đông nước ngoài. Do đó, phần trăm sở hữu của Công ty đối với Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang bị giảm xuống tương ứng.

(\*\*) Trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông vào ngày 16 tháng 5 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã quyết định giải thể Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú. Vào ngày 18 tháng 9 năm 2013, thủ tục giải thể đã được hoàn tất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có 11.261 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 10.421 nhân viên).

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất .

#### **Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

#### **Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

## **Cơ sở hợp nhất**

### ***Các công ty con***

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

### ***Lợi ích cổ đông thiểu số***

Đối với những thay đổi về quyền sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, thì phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng cổ phần và tỉ lệ giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

### ***Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất***

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

### ***Lợi thế thương mại***

Lợi thế thương mại phản ánh giá trị đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản của các công ty con và các công ty liên kết tại thời điểm mua, trong một giao dịch mua bên thứ ba. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

#### ***Các giao dịch bằng ngoại tệ***

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VND được quy đổi sang

VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của đơn vị, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

### ***Đơn vị hoạt động ở nước ngoài***

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của đơn vị hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập và chi phí của đơn vị hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi tiền tệ được ghi nhận trực tiếp vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Khi khoản đầu tư vào đơn vị hoạt động ở nước ngoài được thanh lý một phần hoặc toàn bộ, số dư có liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### **Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư có kỳ hạn và các công cụ nợ; các khoản đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu; và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản



phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **Tài sản cố định hữu hình**

### ***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

### ***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

**nhà cửa            5 – 39 năm**

**máy móc và thiết bị   4 – 15 năm**

**phương tiện vận chuyển   5 – 15 năm**

**thiết bị văn phòng   3 – 15 năm**

## **Tài sản cố định vô hình**

### ***Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định***

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

### ***Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định***

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

### ***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

## **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

## **Chi phí trả trước dài hạn**

### **Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

### **Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 6 đến 20 năm.

### **Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

### **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

### **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

### **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn giám sát các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

### ***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

### **Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

#### **Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

### *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

### **Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

## **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển tương tự.

## **Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

## **Thu nhập lãi tiền gửi**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian tương ứng dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

## **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

## **Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ

trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản liên quan.

### **Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm tàng.

### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

### **Báo cáo bộ phận**

#### **Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Nuôi trồng sản phẩm thủy sản

Chế biến sản phẩm thủy sản

Kinh doanh sản phẩm thủy sản

Khác

<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>Nuôi trồng sản phẩm thủy sản</b>	<b>Chế biến sản phẩm thủy sản</b>	<b>Kinh doanh sản phẩm thủy sản</b>	<b>Khác</b>	<b>Loại trừ</b>	<b>Hợp nhất</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	-	6.821.749.046.188	4.278.675.726.356	11.525.282.787	-	11.111.950.055.331
Doanh thu giữa các bộ phận	115.092.906.728	7.964.742.026.348	87.366.528.872	22.298.633.116	(8.189.500.095.064)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>115.092.906.728</b>	<b>14.786.491.072.536</b>	<b>4.366.042.255.228</b>	<b>33.823.915.903</b>	<b>(8.189.500.095.064)</b>	<b>11.111.950.055.331</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>(78.524.567.996)</b>	<b>606.321.641.082</b>	<b>52.651.512.451</b>	<b>(6.372.538.040)</b>	<b>(6.406.721.198)</b>	<b>567.669.326.299</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						113.758.468.639
Chi phí tài chính						(305.521.702.030)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>375.906.092.908</b>
Thu nhập khác						6.074.024.049
Chi phí khác						(16.224.376.412)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(71.921.251.420)
<b>Lợi nhuận thuần</b>						<b>293.834.489.125</b>

<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>Nuôi trồng sản phẩm thủy sản</b>	<b>Chế biến sản phẩm thủy sản</b>	<b>Kinh doanh sản phẩm thủy sản</b>	<b>Khác</b>	<b>Loại trừ</b>	<b>Hợp nhất</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	345.225.300	5.157.878.098.880	2.763.024.739.644	15.254.063.718	-	7.936.502.127.542
Doanh thu giữa các bộ phận	53.308.315.942	2.585.613.978.695	60.924.276.305	44.167.359.071	(2.744.013.930.013)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>53.653.541.242</b>	<b>7.743.492.077.575</b>	<b>2.823.949.015.949</b>	<b>59.421.422.789</b>	<b>(2.744.013.930.013)</b>	<b>7.936.502.127.542</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>(92.299.594.826)</b>	<b>416.410.713.937</b>	<b>15.045.342.692</b>	<b>5.145.389.452</b>	<b>48.466.043.405</b>	<b>392.767.894.660</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						62.860.638.501
Chi phí tài chính						(419.351.062.292)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>276.277.374.809</b>
Thu nhập khác						3.937.090.474
Chi phí khác						(5.763.525.895)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(18.572.968.584)
<b>Lợi nhuận thuần</b>						<b>15.878.066.864</b>



<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	<b>Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Chế biến sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tài sản của bộ phận	305.385.998.331	5.025.933.609.176	1.299.019.150.537	38.892.383.474	(1.174.592.415.002)	5.494.638.726.516
Đầu tư vào công ty liên kết						2.180.000.000
Tài sản không phân bổ						2.140.724.344.376
<b>Tổng tài sản</b>						<b>7.637.543.070.892</b>
Nợ phải trả của bộ phận	118.361.349.856	5.580.869.123.408	1.032.226.391.633	3.835.005.123	(1.140.491.053.674)	5.594.800.816.346
Nợ phải trả không phân bổ						22.068.981.770
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>5.616.869.798.116</b>
<b><i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</i></b>						
Mua sắm tài sản dài hạn	16.209.833.965	77.386.537.705	-	1.235.290.042	-	94.831.661.712
Khấu hao và phân bổ	24.443.099.988	125.834.415.635	317.807.990	4.054.648.351	3.088.895.700	157.738.867.664

<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<b>Nuôi trồng sản phẩm thủy sản</b> VND	<b>Chế biến sản phẩm thủy sản</b> VND	<b>Kinh doanh sản phẩm thủy sản</b> VND	<b>Khác</b> VND	<b>Loại trừ</b> VND	<b>Hợp nhất</b> VND
Tài sản của bộ phận	360.502.063.988	4.040.775.106.219	1.419.765.335.805	46.165.625.227	(999.079.901.596)	4.868.128.229.643
Đầu tư vào công ty liên kết						2.180.000.000
Tài sản không phân bổ						1.399.623.574.309
<b>Tổng tài sản</b>						<b>6.269.931.803.952</b>
Nợ phải trả của bộ phận	109.847.125.596	4.214.227.702.558	831.488.418.343	4.706.447.933	(987.715.216.480)	4.172.554.477.950
Nợ phải trả không phân bổ						716.594.132.719
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>4.889.148.610.669</b>
<b><i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</i></b>						
Mua sắm tài sản dài hạn	34.392.454.878	107.053.797.479	-	5.784.046.558	-	147.230.298.915
Khấu hao và phân bổ	22.647.727.312	125.554.320.898	314.815.220	3.369.179.667	-	151.886.043.097

**Bộ phận chia theo vùng địa lý****Doanh thu bộ phận**

	Doanh thu bán ra bên ngoài	
	2013	2012
	VND	VND
Việt Nam	50.060.966.225	53.004.428.258
Bắc Mỹ	5.041.985.831.276	3.325.212.673.520
Châu Âu	2.750.376.809.270	715.849.045.093
Nhật Bản	1.083.821.501.305	1.991.492.964.961
Hàn Quốc	898.098.047.923	1.191.117.393.991
Khác	1.287.606.899.332	659.825.621.719
	<hr/>	<hr/>
	11.111.950.055.331	7.936.502.127.542

**Tài sản bộ phận**

	Tổng tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Việt Nam	6.549.060.394.665	5.322.249.785.172
Bắc Mỹ	1.114.137.465.202	947.682.018.780
	<hr/>	<hr/>
	7.663.197.859.867	6.269.931.803.952

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	28.095.352.945	14.508.151.434
Tiền gửi ngân hàng	30.756.966.542	16.976.967.073
Các khoản tương đương tiền	1.941.393.774.760	1.267.133.885.350
	<hr/>	<hr/>
	2.000.246.094.247	1.298.619.003.857

## Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng	VND	Số lượng	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu</b>				
▪ Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu	141.800	6.004.500.000	141.800	6.004.500.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	112.000	5.263.000.000	112.000	5.263.000.000
▪ Công ty Cổ phần cơ điện lạnh	8	80.000	8	80.000
▪ Công ty cổ phần công nghệ mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	-	-
▪ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	125.882	3.270.588.235	-	-
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>				
▪ Các khoản cho vay (*)		7.306.508.578		7.746.276.778
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (**)		137.385.154.060		119.153.170.936
		<hr/>		<hr/>
		159.502.772.049		138.167.027.714
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(8.704.600.000)		(9.782.280.000)
		<hr/>		<hr/>
		150.798.172.049		128.384.747.714
		<hr/>		<hr/>

(\*) Khoản này phản ánh khoản cho hộ nuôi tôm vay để hỗ trợ việc nuôi tôm. Các khoản này không được bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được theo yêu cầu. Theo hợp đồng, hộ nuôi tôm cam kết sẽ bán toàn bộ số lượng tôm thu hoạch được cho Tập đoàn.

(\*\*) Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 9,0% đến 11,0% trong năm (2012: từ 9,0% đến 13,2%).

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	9.782.280.000	9.924.080.000
Chuyển sang từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 15)	-	48.900.000.000
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(46.220.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	(1.077.680.000)	(2.821.800.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.704.600.000	9.782.280.000
	<hr/>	<hr/>

## Các khoản phải thu - ngắn hạn

Phải thu khách hàng phản ánh khoản phải thu bên thứ ba không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng từ 15 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Trong phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có 424.451 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: Phải thu khách hàng và trả trước cho người bán lần lượt có 318.573 triệu VND và 651 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18 và Thuyết minh 24).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác gồm:

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi phải thu	13.803.000.406	4.430.530.163
Cho người lao động vay (*)	7.377.161.909	8.580.952.385
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải thu người lao động	1.001.639.549	5.786.178.618
Các khoản phải thu khác	19.710.656.359	9.477.397.120
	<hr/>	<hr/>
	41.892.458.223	28.275.058.286
	<hr/>	<hr/>

(\*) Khoản này thể hiện khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu.

## Hàng tồn kho

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	367.078.280.830	200.454.463.851
Nguyên vật liệu	104.484.305.999	88.350.011.869
Công cụ và dụng cụ	6.874.348.577	11.273.071.227
Sản phẩm dở dang	13.218.401.826	86.939.795.679
Thành phẩm	1.999.626.515.760	1.914.548.727.694
	<hr/>	<hr/>
	2.491.281.852.992	2.301.566.070.320
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(26.966.731.348)	(73.176.471.780)
	<hr/>	<hr/>
	2.464.315.121.644	2.228.389.598.540
	<hr/>	<hr/>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	73.176.471.780	53.753.010.514
Tăng dự phòng trong năm	26.933.131.264	28.644.508.821
Sử dụng dự phòng trong năm	(28.057.563.602)	-
Hoàn nhập	(45.160.007.830)	(9.221.047.555)
Chênh lệch tỷ giá	74.699.736	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	26.966.731.348	73.176.471.780

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 899.571 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.643.581 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18 và Thuyết minh 24).

Trong thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có 339.647 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 325.961 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.032.490.638	8.728.722.749
Thuế thu nhập cá nhân	273.500	213.803.011
Các loại thuế khác	339.849.086	-
	<hr/>	<hr/>
	4.372.613.224	8.942.525.760

#### **Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Tạm ứng (*)	53.778.375.794	51.808.029.928
Ký quỹ ngắn hạn	1.102.763.869	1.033.017.391
	<hr/>	<hr/>
	54.881.139.663	52.841.047.319

(\*) Khoản này thể hiện khoản tạm ứng cho nhân viên để mua quyền sử dụng đất thay cho Tập đoàn.

### **Các khoản phải thu dài hạn**

Theo Luật Chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”), một công ty con phải nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định thường niên của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”). Mỗi năm, Mseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo mức thuế suất tạm tính do DOC qui định. Sau đó, thuế chống bán phá giá sẽ được quyết toán và thanh toán dựa theo quyết định hàng năm.

Các khoản phải thu dài hạn thuộc về Mseafood phản ánh khoản thuế chống bán phá giá tạm nộp. Chi tiết của các khoản phải thu này như sau:

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008	24.892.980.849	41.136.174.776
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011	24.886.161.414	45.704.942.372
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 9 năm 2012	13.626.616.883	21.898.246.780
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013	12.416.210.014	3.750.018.916
	<hr/>	<hr/>
	75.821.969.160	112.489.382.844
	<hr/>	<hr/>

**Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	585.742.501.892	954.196.241.173	119.412.621.682	17.561.986.115	1.676.913.350.862
Tăng trong năm	3.565.299.964	12.709.843.552	7.133.674.000	86.353.000	23.495.170.516
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	52.536.514.233	1.106.781.402	106.100.000	1.596.136.800	55.345.532.435
Xóa sổ	(10.270.720.549)	(947.553.450)	(5.430.978.562)	(55.935.000)	(16.705.187.561)
Phân loại lại <sup>(*)</sup>	(1.372.325.723)	(19.160.585.036)	(26.996.746)	(4.384.732.076)	(24.944.639.581)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	156.116.610	-	-	8.103.834	164.220.444
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>630.357.386.427</b>	<b>947.904.727.641</b>	<b>121.194.420.374</b>	<b>14.811.912.673</b>	<b>1.714.268.447.115</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	87.317.754.389	260.599.829.790	30.151.176.922	6.968.386.197	385.037.147.298
Khấu hao trong năm	43.069.211.121	91.622.379.914	16.003.771.718	1.845.407.121	152.540.769.874
Xóa sổ	(2.567.884.278)	(415.739.404)	(1.359.119.079)	(28.899.750)	(4.371.642.511)
Phân loại lại <sup>(*)</sup>	(813.052.715)	(7.080.852.068)	(245.040.643)	(2.416.488.022)	(10.555.433.448)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	24.320.739	-	-	7.532.385	31.853.124
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>127.030.349.256</b>	<b>344.725.618.232</b>	<b>44.550.788.918</b>	<b>6.375.937.931</b>	<b>522.682.694.337</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	498.424.747.503	693.596.411.383	89.261.444.760	10.593.599.918	1.291.876.203.564
Số dư cuối năm	503.327.037.171	603.179.109.409	76.643.631.456	8.435.974.742	1.191.585.752.778



Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là VND93.313 million được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 73.055 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 784.816 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 882.552 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18 và Thuyết minh 24).

## Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	17.689.478.796	84.195.741.995	2.371.532.291	104.256.753.082
Tăng trong năm	-	-	441.791.132	441.791.132
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	39.470.565.783	-	39.470.565.783
Xóa sổ	-	(38.485.207)	(74.204.593)	(112.689.800)
Phân loại lại <sup>(*)</sup>	-	-	(441.585.000)	(441.585.000)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	184.641.474	-	-	184.641.474
<hr/>				
Số dư cuối năm	17.874.120.270	123.627.822.571	2.297.533.830	143.799.476.671
<hr/>				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	4.243.103.946	989.214.428	5.232.318.374
Khấu hao trong năm	-	1.793.670.515	315.531.575	2.109.202.090
Xóa sổ	-	(38.485.207)	(74.204.593)	(112.689.800)
Phân loại lại <sup>(*)</sup>	-	-	(86.911.875)	(86.911.875)
<hr/>				
Số dư cuối năm	-	5.998.289.254	1.143.629.535	7.141.918.789
<hr/>				
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	17.689.478.796	79.952.638.049	1.382.317.863	99.024.434.708
Số dư cuối năm	17.874.120.270	117.629.533.317	1.153.904.295	136.657.557.882

(\*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 16).

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.177 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.205 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 64.219 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 72.261 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18 và Thuyết minh 24).

## Xây dựng cơ bản dở dang

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	254.750.170.757	268.310.020.664
Tăng trong năm	70.894.700.064	111.771.269.232
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(55.345.532.435)	(81.985.530.536)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(39.470.565.783)	(43.345.588.603)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(97.850.000)	-
Số dư cuối năm	230.730.922.603	254.750.170.757

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 21.038 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 245.996 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18 và Thuyết minh 24).

## Đầu tư tài chính dài hạn

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		
▪ Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	2.180.000.000	2.180.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	7.000.000.000	7.000.000.000
	9.180.000.000	9.180.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(111.246.470)
	9.180.000.000	9.068.753.530

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	111.246.470	49.011.246.470
Hoàn nhập	(111.246.470)	-
Chuyển sang dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 0)	-	(48.900.000.000)
Số dư cuối năm	-	111.246.470

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</b>	<b>% vốn sở hữu</b>	
			<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Xây dựng cảng container và cảng vận chuyển hàng hóa, nhà kho, cảng biển xăng, khí đốt và dầu; kinh doanh xăng, dầu, khí đốt, nguyên vật liệu và máy móc phục vụ sản xuất.	6300108975 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 24 tháng 2 năm 2010.	40%	40%

## Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.508.797.072	58.746.352.214	14.281.839.966	16.520.023.845	91.057.013.097
Tăng trong năm	-	-	-	14.741.402.198	14.741.402.198
Phân loại lại từ tài sản cố định <sup>(*)</sup>	-	-	-	14.743.879.258	14.743.879.258
Phân loại lại từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	97.850.000	97.850.000
Phân loại lại từ tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	(480.328.526)	(480.328.526)
Phân bổ trong năm	(431.084.880)	(3.352.944.762)	(4.080.525.708)	(15.770.531.540)	(23.635.086.890)
Số dư cuối năm	1.077.712.192	55.393.407.452	10.201.314.258	29.852.295.235	96.524.729.137

(\*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là tài sản cố định hữu hình và vô hình trong năm (Thuyết minh 12 và Thuyết minh 13). Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ 7.277 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

**Lợi thế thương mại****VND****Nguyên giá**

Số dư đầu năm và cuối năm 30.888.957.000

**Phân bổ lũy kế**

Số dư đầu năm 14.157.438.814

Phân bổ trong năm 3.088.895.700

Số dư cuối năm 17.246.334.514

**Giá trị còn lại**

Số dư đầu năm 16.731.518.186

Số dư cuối năm 13.642.622.486

**Vay ngắn hạn****31/12/2013  
VND****31/12/2012  
VND**

Vay ngắn hạn 4.715.626.675.338 3.148.072.571.964

Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24) - 100.986.300.000

Trái phiếu phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24) - 200.000.000.000

4.715.626.675.338 3.449.058.871.964

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất (năm)</b>	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	6,5%	350.295.288.267	-
Khoản vay 2	USD	2,8%	105.742.923.868	-
Khoản vay 3	USD	3,5%	-	85.435.800.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 4	VND	6,5% - 7,0%	1.316.490.920.363	279.402.989.338
Khoản vay 5	VND	6,5%	573.210.536.543	13.236.370.767
Khoản vay 6	VND	6,5%	61.565.789.783	-
Khoản vay 7	USD	2,8%	857.580.903.298	1.499.401.930.600
Khoản vay 8	USD	3,5%	-	100.522.762.056
Khoản vay 9	USD	3,5% - 4,0%	-	44.499.507.324
Khoản vay 10	USD	2,8%	903.886.548.531	729.172.943.474
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 11	VND	6,5%	251.303.572.295	-
Khoản vay 12	USD	2,7%	48.850.334.350	213.856.890.180
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)				
Khoản vay 13	VND	6,0%	57.186.434.252	-
Khoản vay 14	USD	2,5%	111.533.287.940	99.231.378.225
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam				
Khoản vay 15	VND	6,5%	77.980.135.848	-
Comerica Bank (U.S.A.)				
Khoản vay 16	USD	3,3%	-	83.312.000.000
			<b>4.715.626.675.338</b>	<b>3.148.072.571.964</b>

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 5)	-	4.138.969.282
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 7)	424.450.633.770	318.572.661.364
Hàng tồn kho (Thuyết minh 8)	899.571.113.388	1.555.685.951.209
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	784.815.617.349	5.807.736.260
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	64.218.635.307	3.205.264.572
Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	21.037.811.050	-
Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	7.277.435.066	-
	<hr/>	<hr/>
	2.201.371.245.930	1.887.410.582.687
	<hr/>	<hr/>

### Phải trả người bán

Phải trả người bán phản ánh khoản phải trả cho bên thứ ba không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

### Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	78.557.528	47.273.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.252.558.072	17.318.452.460
Thuế thu nhập cá nhân	1.558.501.925	1.061.148.212
Các loại thuế khác	-	20.033.700
	<hr/>	<hr/>
	16.889.617.525	18.446.907.372
	<hr/>	<hr/>



## Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dịch vụ thuê ngoài phải trả	1.331.065.662	27.395.296.114
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2008 đến ngày 31 tháng 1 năm 2009	40.748.421.900	54.676.624.200
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2009 đến ngày 31 tháng 1 năm 2010	7.429.558.950	15.926.609.244
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2010 đến ngày 31 tháng 1 năm 2011	7.606.925.170	7.486.103.900
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2012 đến ngày 31 tháng 1 năm 2013	38.812.259.923	-
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.838.921.178	-
	<hr/>	<hr/>
	103.767.152.783	105.484.633.458

Thuế chống bán phá giá phải trả tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được quyết toán. Ban Tổng Giám đốc tin rằng thuế chống phá giá cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ nhất quán với tỷ lệ quyết toán cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2011 đến ngày 31 tháng 1 năm 2012 là 0%. Khoản thuế phải trả do Tập đoàn ước tính có thể thay đổi theo số thuế thực phải trả được quyết định bởi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

## Các khoản phải trả khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền nhận ký quỹ ngắn hạn	8.000.000.000	11.000.000.000
Cổ tức phải trả	6.727.187.750	175.000.000.000
Tiền thuê đất phải trả	4.513.839.116	4.779.359.064
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.919.265.435	921.651.909
Hoa hồng phải trả	392.098.154	392.099.083
Lãi vay phải trả	-	16.594.132.719
Phải trả khác	1.439.449.253	2.683.010.497
	<hr/>	<hr/>
	22.991.839.708	211.370.253.272

### Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn và phí Hội đồng Quản trị theo quyết định của các cổ đông trong cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên của Tập đoàn.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2013</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	89.416.584.032
Sử dụng quỹ	(14.840.554.992)
	<hr/>
Số dư cuối năm	74.576.029.040
	<hr/>

### Vay dài hạn

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	-	429.619.180.684
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi	-	700.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	-	1.129.619.180.684
Phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18)	-	(300.986.300.000)
	<hr/>	<hr/>
Phải trả sau 12 tháng	-	828.632.880.684
	<hr/>	<hr/>

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản của Tập đoàn như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày</b>	
	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 5)	-	433.075.880
Trả trước cho người bán (Thuyết minh 7)	-	651.006.121
Hàng tồn kho (Thuyết minh 8)	-	87.894.595.781
Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh 10)	-	51.037.496.700
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	-	876.743.968.576
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	-	69.055.991.092
Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	245.996.061.173
	-	1.331.812.195.323

### **Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>2013</b>
	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.656.891.489
Tăng dự phòng trong năm	23.622.775
Sử dụng dự phòng trong năm	(320.851.159)
Số dư cuối năm	3.359.663.105

## Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	-	-	88.506.239.451	41.298.066.764	-	531.210.227.608	1.538.891.403.059
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	16.839.844.522	16.839.844.522
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	36.092.071.956	13.769.908.805	(49.861.980.761)	-
Cổ tức (Thuyết minh 35)	-	-	-	-	-	-	-	(175.000.000.000)	(175.000.000.000)
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(51.761.636.902)	(51.761.636.902)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(18.919.140.199)	-	-	(18.919.140.199)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	-	-	88.506.239.451	58.470.998.521	13.769.908.805	271.426.454.467	1.310.050.470.480
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	270.138.142.612	270.138.142.612
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	(18.537.405.861)	-	-	-	-	(18.537.405.861)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(26.047.830.913)	-	-	(26.047.830.913)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	-	-	-	-	5.167.828.182	-	-	-	5.167.828.182
Thặng dư vốn cổ phần phát sinh từ cổ phiếu phát hành cho cổ đông thiểu số	-	-	79.806.684.935	-	-	-	-	-	79.806.684.935
Phân bổ vào cổ phần của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	(36.232.287.004)	(36.232.287.004)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	79.806.684.935	(18.537.405.861)	93.674.067.633	32.423.167.608	13.769.908.805	505.332.310.075	1.584.345.602.431

## Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(630.560)	(18.537.405.861)	-	-
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	69.369.440	681.462.594.139	70.000.000	700.000.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	(630.560)	(18.537.405.861)	-	-
Số dư cuối năm	69.369.440	681.462.594.139	70.000.000	700.000.000.000

Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú số 12/HDQT.MPC.12, ngày 27 tháng 12 năm 2012, Hội đồng Quản trị quyết định mua 1.000.000 cổ phiếu quỹ trên thị trường chứng khoán với giá trị trường. Số lượng cổ phiếu quỹ đã được mua từ ngày 10 tháng 4 năm 2013 đến ngày 9 tháng 5 năm 2013.

## Lợi ích cổ đông thiểu số

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	70.732.722.803	78.722.005.772
Đầu tư thêm trong năm	305.092.110.895	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số trong	23.696.346.513	(961.777.658)

năm		
Phân bổ lợi nhuận chưa phân phối do thay đổi phần trăm lợi ích kinh tế	36.232.287.004	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài tính cho cổ đông thiểu số	574.203.130	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho cổ đông thiểu số	-	(933.207.732)
Cổ tức	-	(6.094.297.579)
Số dư cuối năm	436.327.670.345	70.732.722.803

### Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	10.381.139.096.606	7.931.607.515.820
▪ Hàng hóa đã bán	804.478.773.505	-
▪ Phế liệu đã bán	18.584.133.640	32.665.364.042
▪ Khác	2.228.456.671	1.394.026.100
	<hr/> 11.206.430.460.422	<hr/> 7.965.666.905.962
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	(584.201.733)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(93.896.203.358)	(29.164.778.420)
	<hr/> (94.480.405.091)	<hr/> (29.164.778.420)
Doanh thu thuần	<hr/> 11.111.950.055.331	<hr/> 7.936.502.127.542

### Giá vốn hàng bán

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành phẩm đã bán	9.225.544.219.856	7.030.855.092.577
Hàng hóa đã bán	774.741.018.832	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(46.209.740.432)	19.423.461.266
Khác	1.553.185.030	107.882.549

9.955.628.683.286    7.50.386.436.392

### Doanh thu hoạt động tài chính

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	91.564.719.319	50.333.601.356
Cổ tức	-	19.720.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.242.050.121	9.160.578.818
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.482.194.356	3.346.738.327
Thu từ bán các khoản đầu tư	371.824.000	-
Khác	97.680.843	-
	113.758.468.639	62.860.638.501

### Chi phí tài chính

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	249.916.093.514	412.791.349.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.789.797.832	5.483.365.933
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.080.847	139.620.019
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	263.588.000	3.758.527.264
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	(2.821.800.000)
Khác	8.528.141.837	-
	305.521.702.030	419.351.062.292

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên các khoản mục sau:

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ	10.190.585.630	2.841.171.279
Các khoản dự phòng	1.506.628.278	515.257.341
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	209.560.767	-
Lỗ tính thuế mang sang	-	2.963.265.883
	11.906.774.675	6.319.694.503

<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính vào các công ty con	(22.068.981.770)	-
(Nợ)/tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	(10.162.207.095)	6.319.694.503

### Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	47.355.566.123	14.418.626.296
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	8.083.783.699	(5.117.151.928)
	55.439.349.822	9.301.474.368
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	16.481.901.598	9.271.494.216
	71.921.251.420	18.572.968.584

### Đối chiếu thuế suất thực tế

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	365.755.740.545	34.451.035.448
Thuế theo thuế suất của Công ty	91.438.935.136	8.612.758.862
Chi phí không được khấu trừ thuế	157.773.310	4.054.694
Thu nhập không chịu thuế	-	(4.930.000)
Ưu đãi thuế	(41.392.769.591)	(9.877.996.025)
Chênh lệch thuế suất áp dụng cho tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	19.049.054.031
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	16.931.234.823	7.889.492.181
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho công ty con	(3.297.705.957)	(1.982.313.231)
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	8.083.783.699	(5.117.151.928)
Chi phí thuế thu nhập	71.921.251.420	18.572.968.584



## **Thuế suất áp dụng**

### ***Công ty***

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

### ***Các Công ty con***

#### ***Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”)***

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

#### ***Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú - Hậu Giang”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú - Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2011 đến năm 2026 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất 25%.

#### ***Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (“Minh Quý”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2003 đến năm 2012 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Quý cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2004 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2005 đến năm 2009.

#### ***Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (“Minh Phát”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2015 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phát cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2006 đến năm 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012.

### ***Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang (“Minh Phú - Kiên Giang”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2009 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2018.

### ***Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (“Giống Thủy sản Minh Phú”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2019.

### ***Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An (“Minh Phú - Lộc An”)***

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú - Lộc An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Minh Phú - Lộc An được miễn thuế thu nhập trong một năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Minh Phú - Lộc An không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Minh Phú - Lộc An có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

### ***Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Sinh học”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021.

### ***Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú (“Tôm sinh thái Minh Phú”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Tôm sinh thái Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2010 đến năm 2024 và được giảm 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tôm sinh thái Minh Phú cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024. Trong năm, Tôm sinh thái Minh Phú đã được giải thể.

### ***Công ty TNHH một thành viên nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (“Minh Phú Hòa Điền”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú Hòa Điền có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2012 đến năm 2026 và được giảm 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Hòa Điền cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập

trong bốn năm kể từ năm đầu tiên công ty có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong chín năm tiếp theo. Các qui định về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng xác định rõ rằng nếu Minh Phú Hòa Điền không có lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tục kể từ năm đầu tiên có doanh thu, thời gian miễn thuế sẽ được tính từ năm thứ tư ngay cả khi Minh Phú Hòa Điền có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất 25%.

### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 dựa trên lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được tính như sau:

### Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	270.138.142.612	16.839.844.522

### Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	70.000.000	70.000.000
Ảnh hưởng của mua cổ phiếu quỹ vào tháng 4 năm 2013	(305.087)	-
Ảnh hưởng của mua cổ phiếu quỹ vào tháng 5 năm 2013	(100.876)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm đầu năm và cuối năm	69.594.037	70.000.000

### Cổ tức

Trong năm, Công ty không phân phối cổ tức (2012: 175.000 VND mỗi cổ phiếu).

## Các công cụ tài chính

### Quản lý rủi ro tài chính

#### Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn gặp phải do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

#### Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng không năm hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

#### Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền	(i)	1.972.150.741.302	1.284.110.852.423
Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	137.385.154.060	119.153.170.936
Các khoản cho vay	(ii)	7.306.508.578	7.746.276.778
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	955.939.260.454	553.915.215.641
		<hr/>	<hr/>
		3.072.781.664.394	1.964.925.515.778

**(i) Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn**

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**(ii) Khoản cho hộ nuôi tôm vay**

Khoản cho hộ nuôi tôm vay để hỗ trợ việc nuôi tôm không được bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu. Theo hợp đồng, hộ nuôi tôm cam kết sẽ bán toàn bộ số lượng tôm thu hoạch được cho Tập đoàn. Ban Tổng giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn có thể thu hồi khoản vay này bằng việc thu mua tôm thu hoạch được trong tương lai.

**(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Tình trạng rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích riêng biệt về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Ngoài ra, Tập đoàn còn yêu cầu đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng, thông thường dưới hình thức trả trước hoặc mở tín dụng thư. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 15 đến 60 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 60 ngày sẽ được yêu cầu thanh toán trước khi được phép mua thêm.

Dựa trên các tỷ lệ nợ xấu trước đây, Tập đoàn tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Tập đoàn không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	<b>Tổng phải thu gộp 31/12/2013 VND</b>	<b>Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2013 VND</b>
Trong hạn	944.481.536.204	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	7.050.777.613	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.868.804.970	-
Quá hạn trên 180 ngày	7.448.036.553	(4.909.894.886)
	<hr/>	
	960.849.155.340	(4.909.894.886)
	<hr/>	

	<b>Tổng phải thu gộp 31/12/2012 VND</b>	<b>Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2012 VND</b>
Trong hạn	520.745.574.895	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	28.807.221.113	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.963.911.085	-
Quá hạn trên 180 ngày	11.480.593.872	(9.082.085.324)
	<hr/>	
	562.997.300.965	(9.082.085.324)
	<hr/>	

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Số dư đầu năm	9.082.085.324	13.418.670.092
Hoàn nhập	(4.172.190.438)	(4.336.584.768)
	<hr/>	
Số dư cuối năm	4.909.894.886	9.082.085.324
	<hr/>	

### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>					
Vay ngắn hạn	4.715.626.675.338	4.785.722.092.944	4.785.722.092.944	-	-
Phải trả người bán	532.434.499.874	532.434.499.874	532.434.499.874	-	-
Phải trả người lao động	108.358.151.736	108.358.151.736	108.358.151.736	-	-
Chi phí phải trả	103.767.152.783	103.767.152.783	103.767.152.783	-	-
Các khoản phải trả khác	22.991.839.708	22.991.839.708	22.991.839.708	-	-
	<b>5.483.178.319.439</b>	<b>5.553.273.737.045</b>	<b>5.553.273.737.045</b>		
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>					
Vay ngắn hạn	3.148.072.571.964	3.182.138.435.132	3.182.138.435.132	-	-
Phải trả người bán	135.868.027.758	135.868.027.758	135.868.027.758	-	-
Phải trả người lao động	38.688.257.921	38.688.257.921	38.688.257.921	-	-
Chi phí phải trả	105.484.633.458	105.484.633.458	105.484.633.458	-	-
Các khoản phải trả khác	211.370.253.272	211.370.253.272	211.370.253.272	-	-
Vay dài hạn	429.619.180.684	538.124.155.764	119.364.208.967	133.861.744.909	284.898.201.888
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyên đổi	700.000.000.000	815.188.888.889	297.688.888.889	517.500.000.000	-
	<b>4.769.102.925.057</b>	<b>5.026.862.652.194</b>	<b>4.090.602.705.397</b>	<b>651.361.744.909</b>	<b>284.898.201.888</b>

## Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

## Rủi ro hối đoái

Tập đoàn chịu rủi ro hối đoái đối với các giao dịch bán hàng và đi vay bằng đơn vị tiền tệ khác VND.

### *Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái*

Tập đoàn có các khoản (nợ phải trả)/tài sản thuần bằng ngoại tệ như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
	USD	JPY	USD	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	264.234	28.304.539	664.110	-
Phải thu khách hàng	46.433.421	46.873.726	15.856.451	-
Các tài sản tiền tệ khác	-	-	525.195	-
Phải trả người bán	(10.708.114)	-	(235.657)	-
Vay ngắn hạn	(96.048.981)	-	(133.166.795)	-
Vay dài hạn	-	-	(9.447.014)	-
Nợ phải trả tiền tệ khác	-	-	(1.135.862)	-
	(60.059.440)	75.178.265	(126.939.572)	-

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
1 USD	21.110	20.815
1 JPY	200	247

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
USD (mạnh thêm 1%)	(11.186.631.754)	(22.112.702.630)
JPY (yếu đi 19%)	(2.142.580.553)	-

Biến động ngược lại của tỉ giá trên có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.



## Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo các công cụ tài chính chịu lãi suất của tập đoàn như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Các khoản tương đương tiền	1.941.393.774.760	1.267.133.885.350
Tiền gửi có kỳ hạn	137.385.154.060	119.153.170.936
	<hr/>	<hr/>
	2.078.778.928.820	1.386.287.056.286
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Tiền gửi ngân hàng	30.756.966.542	16.976.967.073
Vay ngắn hạn	(4.715.626.675.338)	(3.148.072.571.964)
Vay dài hạn	-	(429.619.180.684)
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyên đổi	-	(700.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	(4.684.869.708.796)	(4.260.714.785.575)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi khiến Công ty chịu rủi ro thay đổi lãi suất. Công ty không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất. Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm lợi nhuận thuần Tập đoàn sẽ giảm 35.137 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 13.444 triệu VND).

## Giá trị hợp lý

### *So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ*

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
• Tiền và các khoản tương đương tiền	1.972.150.741.302	1.972.150.741.302	1.284.110.852.423	1.284.110.852.423
• Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	955.939.260.454	(*)	553.915.215.641	(*)
• Các tài sản tài chính khác	144.691.662.638	(*)	126.899.447.714	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
• Các khoản đầu tư ngắn hạn	14.811.109.411	6.167.888.170	11.267.580.000	945.876.000
• Các khoản đầu tư dài hạn	9.180.000.000	(*)	9.068.753.530	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
• Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(555.426.339.582)	(*)	(347.238.281.030)	(*)
• Các khoản vay	(4.715.626.675.338)	(*)	(4.277.691.752.648)	(*)
	(2.174.280.241.115)		(2.639.668.184.370)	

### *Cơ sở xác định giá trị hợp lý*

#### *Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ*

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

### Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có mối liên hệ với các bên liên quan bao gồm công ty liên kết, các cổ đông, giám đốc, nhân viên điều hành và các đơn vị được sở hữu bởi các cổ đông chính.

### Giao dịch với các công ty liên quan

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên quan như sau:

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng</b>		
Thuê văn phòng	2.736.438.921	1.024.601.700

---

### Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Lương thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Lương thưởng và trợ cấp	12.404.200.342	11.644.096.372

---

### Cam kết

#### Mua sắm tài sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có các cam kết mua sắm tài sản đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán như sau:

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	110.669.424.766	111.279.648.241

---

## **Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.654.900.511	2.035.707.000
Từ hai đến năm năm	7.993.190.322	1.577.672.925
	<hr/>	<hr/>
	11.648.090.833	3.613.379.925
	<hr/>	<hr/>

## **Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
	8.827.450.058.96	6.247.223.637.44
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	0	5
Chi phí nhân công	700.883.681.756	540.586.407.933
Chi phí khấu hao và phân bổ	157.738.867.664	151.886.043.097
Chi phí dịch vụ mua ngoài	462.063.370.689	346.503.691.558
Chi phí khác	409.421.067.805	243.511.071.165
	<hr/>	<hr/>

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Lưu Minh Trung  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:

Lê Văn Quang  
*Tổng Giám đốc*